

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 59

- Chỉ âm Tứ Phần luật - sáu mươi quyển

TỨ PHẦN LUẬT - Tuệ Lâm soạn. QUYỂN 1

Luật tạng. Ngược lại âm lực xuất. Tiếng Phạm, hoặc nói là tỳ-ni. Hoặc nói là bễ-nê-ca. Hoặc nói là ty-na-dạ. Hoặc gọi là tỳ-nại-da đều do tiếng Phạm chuyển đọc âm thanh có nặng có nhẹ. Chuyển ngữ đều sai. Đây dịch là ly hành. Hành cũng là con đường. Đây cũng thể nói rằng: hành là xa lìa con đường xấu ác. Bởi vậy nên gọi là tên. Hoặc gọi là hóa độ, kinh tiếng Phạm nói là hóa độ chúng sanh. Hoặc nói là điều phục, điều phục tham sân si. Tức là kinh Văn Thù tịnh Luật nói rằng: hiểu rõ tham dục gọi là luật. Theo sách Nhĩ Thất nói rằng: pháp tắc luật nghi, gọi là pháp tắc. Lại cũng gọi là Luật tuyên. Chỗ gọi là pháp luật tuyên là đo lường nặng nhẹ. Lại cũng gọi là luật thường dùng, có thể nói là luật thường hành trì. Cho nên chữ viết từ bộ xước, xước tức là hành, đến bộ duật, duật đó là cây bút, là định tội đúng với luật hình chẳng phải bút là không đoan lìa. Thích danh cho rằng: luật đó ràng buộc, trói buộc, là lưới giăng khiến cho người không được tự do phóng túng. Nói thi la đó. Đây giải thích là ngăn chặn, dứt trừ. Gọi là dừng ác mà được điều thiện. Xưa gọi là thanh định, và tánh thiện đó đều là nghĩa đây giải thích. Âm lự ngược lại âm âm lực truy.. Lự tức là trói buộc.

Khể thủ. Giải thích chữ cổ văn cổ viết chữ khể cũng đồng, ngược lại âm khổ lễ. Bạch Hổ Thông cho rằng: chỗ gọi là thế nào là khể thủ? Khể là đến. thủ là đầu. Nói là đầu đến sát đất. Tam Thương cho rằng: khể thủ là đầu cúi xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu há. Sách Chu

lễ cho rằng: Thái Chúc bàn luận rằng: lạy chín lạy gọi là khể khể thù vậy.

Thuyết giới. Ngược lại âm cố giới. Giới cũng là luật nghĩa khác nhau. Tiếng Phạm nói Tam-bà-la. Đây dịch là giới cấm nghĩa cũng là cấm. Quảng Thất cho rằng: giới là phòng bị. Sách Chu dịch cho rằng: đây là trai giới. Hàn Khang Bá cho rằng: tẩy rửa cái tâm gọi là trai, ngăn ngừa mắc phải gọi là giới. Thể chữ từ bộ cũng là nắm giữ, đến bộ qua. Lấy giới là không lo sợ, ý nghĩa của chữ. Cũng lại cũng viết chữ bái cũng đồng, ngược lại âm cư lông.

Phúng tụng. Ngược lại âm phúc phụng. Phúng gọi là tán thân ca vịnh tụng gọi là thuộc lòng văn.

Quái ngại. Lại viết chữ quái cũng đồng, ngược lại âm hồ quái. Tự thư cho rằng: lười võng làm chướng ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngại là dừng lại.

Viên tường. Ngược lại âm vu phiên. Bao quanh bốn bức tường. Thích danh cho rằng: viên là trợ giúp, gọi là trợ giúp không có chỗ nương tựa, cho rằng trợ giúp, bảo vệ. Tường đó là ngăn cách, che chỗ gọi là ngăn che, tự ngăn che.

Tiêu hỏa. Ngược lại âm ty diêu. Gọi là lửa cháy nhỏ. Theo thể chữ viết là phiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là lửa cháy lan bay khắp bốn phía. Tam Thương cho rằng: trình hỏa. Lã Thị Xuân Thu nói: đột nhiên tiết ra một đóm lửa bay vào thiêu đốt vây quanh cung điện vậy.

Tĩnh giả. Ngược lại âm tư đĩnh. Tự Lâm cho rằng: cởi bỏ cái say gọi là tĩnh.

Trừ dữ. Văn cổ viết chữ dữ cũng đồng, ngược lại âm du nhữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dữ là lành bệnh, khỏi bệnh. Sách Phương ngôn cho rằng: dần dần kém vui.

Thân kang. Ngược lại âm cách cang. Gọi là an kang. Tự Lâm và sách Nhĩ Thất cho rằng: kang là vui vẻ.

Nan cật. Ngược lại âm khứ chất. Sách Quảng Thất cho rằng: cật là trách móc. Sách Thuyết Văn cho rằng: cật là tra hỏi.

Cẩn cơ. Văn cổ viết chữ phiếm. Lại viết chữ cơ cũng đồng, ngược lại âm kỹ trị. Sách Nhĩ Thất cho rằng: lúa thóc không nấu chín được là cơ tức là đói, rau cải không nấu chín được là cẩn tức là đói. Sách Xuân Thu nói rằng: cốc là lương thực. Theo Truyện nói: hai loại cốc không mọc lên gọi là cẩn tức là ngũ cốc không mọc lên gọi là tai ách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơ cẩn là đói khát.

Phạm hạnh. Ngược lại âm phạm phiếm. Tiếng Phạm nói phạm là ma. Đây dịch là phạm hạnh là thanh tịnh hoặc nói là trong sạch, nói cho đúng là tịch tịnh. Sách Cát Hồng Tự Uyển nói rằng: phạm là lấy nghĩa trong sạch vậy, cũng có hai bản Phạm nói rằng: Suy-la-na-địa-da. Đây dịch là cứu, tức là bản dịch xưa. Lần thứ hai Tâm tạp loạn. luận nói rằng: đây đủ chúng. Ngược lại lần thứ hai là vậy.

Phát bị. Ngược lại âm bì ký. Bị gọi là mang theo, cũng là mang theo y. Văn luật viết là phi là căng ra, căng cái chần ra là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ca sa. Ngược lại âm cử khứ. Ngược lại âm dưới sở da. Sách Vận tập âm da sa. Bốn chữ viết từ bộ mao viết thành ca sa hai chữ tượng hình. Sách Cát Hồng sau này viết như vậy. Sách Tử Uyển ban đầu sửa lại bộ y. Theo sách nước ngoài thường gọi ca sa. Đây dịch không đúng sắc màu, lấy các vỏ cây, lá cây, hoa v.v... không thành năm mùi vị trộn lẫn với nhau làm thức ăn đó thì gọi là ca sa lấy vật này nhuộm y áo gọi màu sắc này đỏ đục. Cho nên gọi là phạm vốn gọi là năm thứ đục, màu đục đó gọi là ca sa. Ở Thiên Trúc, các vị Tỳ-kheo dùng màu này. Màu sắc này hoặc nói là áo thâm, là y phục của tăng nhân, là T.699 phải như vậy. Lúc đầu dịch thấy gọi là màu đục. Bởi vì tên gọi. Lại theo như kinh Huyền Tam-muội nói rằng: người nước Tấn nói là không có dơ uế, hoặc nói nghĩa y phục xa lìa được trần cấu. Hoặc gọi là áo tiêu trừ bệnh gây ốm. Hoặc gọi là y phục liên hoa, hoặc nói là giữa màu sắc áo, đều tùy theo nghĩa mà đặt tên vậy. Trong Tam Tạng Chân Đế nói rằng: ca sa. Đây dịch áo màu sắc đỏ như máu, nói các nước ngoài tuy có năm bộ luật không đồng, đều nói là màu đỏ, nói màu xanh, đen mộc lan, nhưng các điểm trên cũng khác nhau vậy.

Lợi kích. Ngược lại âm âm cư nghịch. Tự Lâm cho rằng: loại binh khí có nhánh. Sách Chu lễ nói rằng: cây kích dài sáu thước. Thích danh cho rằng: kích cỡ, nói bên có cành chĩa ra là cách cỡ kích.

Tứ chi. Bì Thương viết chữ tứ. Tự Lâm giải thích là sai. Hoặc là viết chữ tư âm tư ngược lại âm tư ly tư sử hai âm. Sách Quảng Thất cho rằng: tứ là hầu hạ, xem xét, hình, lén lút. Âm thư ngược lại âm âm thiên nhữ.

Yết-ma. Ngược lại âm cư yết. Đây dịch là tác pháp biện sự. Ngài Ưu-ba-ly thưa hỏi kinh, cũng viết là tác kiểm mộ. Tiếp Phạm dịch sai.

Hòa thượng. Kinh Bồ-tát giới nội viết chữ hòa xà đều là các nước chứa đầy sai lầm. Nên nói là Út-ba-đệ-da-da. Đây dịch là cận trọng. Gọi là người đệ tử niên thiếu không được rời xa thầy, thường theo đuổi

bên cạnh thân cận để mà học hỏi kinh điển. Lại cũng nói lô-ba-đà-da. Đây dịch là thân giáo. Xưa dịch là biết có tội, biết không tội gọi là Hòa thượng. Âm ô ngược lại âm ư cô. Âm đà ngược lại âm đồ ngã.

A-xà-lê. Trong kinh hoặc là viết A-kỳ-lợi đều là sai. Nên nói là A-giá-lợi. Đây dịch là chánh hạnh. Lại dịch là A-giá-lộc-da. Đây dịch là quý phạm, tức là khuôn mẫu. Xưa gọi là thiện pháp trong giáo thọ. Nay cũng biết khiến cho biết tên A-xà-lê.

Quân trì. Trong kinh hoặc là viết quân trì. Đây dịch là cái bình, cái lọ, gọi là hai miệng bình rót nước ra tắm gọi sạch sẽ. Văn luật viết quân tướng là chẳng phải.

La duyệt. Ngược lại âm dĩ duyệt. Thập nhị du kinh nói rằng: đây là nói thành Vương-xá, nên nói rằng: La-duyệt nghĩa là lo liệu, người dân lo liệu sẽ có thể nước khác đánh dẹp, công phá thành Vương-xá này.

Yết-lê. Đây nói rằng: Xá trung là trong nước Ma-già, tên của thành.

Đào sư. Lại viết chữ đào cũng đồng, ngược lại âm đại lao. Sách Sử ký nói rằng: đào là đồ gốm sứ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đào là nhà làm đồ gốm. Đồ gốm bắt đầu từ đời vua Thuấn là nơi tỉnh Hà Tân. Theo Tây Vực, đất phần nhiều xấu ẩm ướt, mà lại không được làm lò gốm sứ, nhưng mà khi làm ly, bát phải đem phơi, nung, chữ mượn cân là diêu.

Sài tân. Ngược lại âm sĩ giải. Sách Lễ ký cho rằng: thâu lượm nhất củi khô ở vùng đất rộng xa xôi. Trịnh Huyền cho rằng: cây lớn có thể chẻ ra mà làm củi, cây nhánh nhỏ làm bó lại gọi là củi, đem cho đốt vào lò làm nhiên liệu.

Tướng súy. Ngược lại âm sở luật. Gọi là làm tướng lãnh. Soái là người dẫn đường.

Bình sa vương. Đây là nói sai. Nói cho đúng là Tần-bà-sa-la. Đây gọi là hình lao, vua nước Ma-già-đà.

Sách ly. Ngược lại âm xoa bạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện cây làm hàng rào. Chữ ly lại viết chữ ly đà hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực chi. Văn thông dụng cho rằng: lấy cây củi bện làm vách tường gọi là đà. Cây gỗ làm vách gọi là sách. Thích danh cho rằng: lấy củi làm vách là cách nhau thưa hơn. Văn luật viết chữ nham vũ là chẳng phải thể. Âm nham là âm nam, âm vũ là âm cũ.

Thân hậu. Văn cổ viết ốc cũng đồng, ngược lại âm hồ cầu. Theo chữ hậu đó nghĩa là không có mỏng, tức là nhiều lớp dày. Văn luật viết chữ hữu. Ngược lại âm vu cửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hữu là bạn

đồng chí. Sách Quảng Thất cho rằng: là bạn thân ái. Tùy theo mà viết điều được vậy.

Nhược. Ngược lại âm lực hạ. Thuộc về đóng giữ, phòng thủ. Cũng gọi là đi diều bình, làm sự cấm giữ phòng ngự. Sách Vận lược cho rằng: la gọi là đi tuần hành, chẳng phải đi quanh. Văn luật viết chữ la là chẳng phải thể.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 2

Xuy xuế. Ngược lại âm sung nhuế. Tự Lâm cho rằng: lông dê mịn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: có áo lông mịn. Xưa là dành cho vua, hoặc là quan đại phu, mặc đi tuần hành các nước lân bang.

Kiếp bối. Hoặc gọi là kiếp-ba-dục. Hoặc gọi là kiếp-bà-sa. Nói cho đúng Ca-bà-la. Đây dịch là tên của cây thọ hoa. Cũng có thể cho rằng: bố cao xương gọi là áo vải thưa, cũng gọi là thảm lông. Gọi là nước Kế Tân lấy ở Đại Nam mà thành cây ở phương Bắc, cây hình trạng nhỏ như cây rau đất, khi mở ra bằng như cái trống, khi trở hoa nhiều cây liễu, có bông mềm mại, có thể dệt làm vải, dùng may áo. Âm nhãn ngược lại âm nữ chẩn.

Sa-la-bà-ni. Hoặc là viết Xoa-la-bà-nhi. Hoặc nói là Sám-la-bán-ni. Đây dịch là nước tro than.

Sô-ma. Ngược lại âm trắc câu. Hoặc gọi là tô-ma. Hoặc nói là sám-ma. Đây dịch là vải thô, áo vải thô, cũng nên nói áo cỏ thô. Theo nước ngoài cũng gọi là thiếu ít tơ mà nhiều dây gai dùng bà-thúc-ca quả và cỏ lông dê mịn tơ tầm hoang dã mà dệt làm áo v.v...

Táp-bà. Ngược lại âm sa-bà. Hoặc là viết bát-đam-sa-bà. Đây gọi là quốc từ tên của nước mà gọi là y. y đó hoặc nói là đầu-cầu-la-y cũng gọi là đầu-cưu-la-y. Đây gọi là vảo áo, cúc áo, vải thưa.

Dực thượng. Ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Thất cho rằng: dực gọi là cây cọc, chức cũng gọi là dực. Quách Phác cho rằng: dực là cây cọc cây cột buộc trâu bò. Âm chức ngược lại âm đồ đắc.

Thị tứ. Ngược lại âm tương lợi. Xưa nay chú giải rằng: tứ là bày ra, gọi là sắp bày hàng quán. Tứ là chỗ bày hàng hóa các vật để bán, chỗ hàng quán chung bày hàng hóa các vật bán ra. Tứ cũng là xếp hàng, gọi xếp hàng hóa tài vật nơi chợ vậy.

Thuyền phảng. Ngược lại âm bô vọng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ phương phưởng hai chữ tượng hình. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phảng là chiếc thuyền. Quách Phác cho rằng: hai bên mạn thuyền. Văn thông dụng cho rằng: những chiếc thuyền liên kết với nhau là phảng, tức là phương. Văn luật có viết phảng. Âm phảng là âm phương. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây gỗ có thể làm bè vuông, chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Lỗ thuyền. Lại viết chữ lỗ lô hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực cổ. Gọi là mái chèo lớn bên mạn thuyền gọi là lỗ. Chỗ gọi là đầu thuyền đi tới, cũng gọi trên lầu thuyền, cái mũi thuyền.

Phiệt thuyền. Văn thông dụng viết chữ bát. Sách Vận lược tập viết chữ bát cũng đồng, ngược lại âm quyết nguyệt. Sách Phương ngôn cho rằng: cái bè gọi là phiệt, bên tre gỗ làm bè nổi trên sông, vận chuyển vật, ở phương Nam gọi là bệ. Người phương Bắc gọi là phiệt. Âm bài ngược lại âm bổ gai.

Thủy thát. Ngược lại âm tha cát tha ha hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con chó nhỏ sống dưới nước, bắt cá ăn. Văn luật viết chữ thư là chẳng phải. Ngược lại âm đình cát. Tự Lâm cho rằng: cát thư là tên của loài thú, giống như con chó sói, đầu nói đỏ. Thư chẳng phải thể chữ đây dùng. Âm cát ngược lại âm cổ cát.

Thất-thâu-ma-la. Hoặc là viết thất thủ. Luật Thiện kiến nói rằng: cá ngạc dài hơn hai trượng, có bốn chân giống như cá sấu, răng bén nhọn như cầm thú, lặn xuống nước bắt cá ăn, tức là con rái cá. Cũng gọi là con sát tử, giết cá.

Di hầu giang. Tiếng Phạm gọi là Vị-ca-trá. Đây dịch là Hầu-hạ-la-đa. Đây dịch là trong ao thành Xá-ly, vườn Yểm-la. Thuở xa xưa, bấy khỉ tụ tập là Phật xuyên qua ao này. Nay nói là giang đó, người dịch nghĩa lập ra, như nói Hằng hà cũng viết Hằng giang.

Đốt nam. Ngược lại âm đình khang. Tự Lâm cho rằng: đốt là lời mắng mỏ. Tự thư cho rằng: đốt là quát tháo la mắng.

Ý phát. Ngược lại âm phủ việt. Gọi là máy phát ra. Cơ là chủ phát. Sách Thuyết Văn cho rằng: phát xạ. Văn luật viết chữ bát ngược lại âm bổ mạt. Quảng Thất cho rằng: bát trừ bỏ, cũng gọi là phế bỏ, bát chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ác thú. Sách Nhĩ Thất âm nghĩa cho rằng: thủ cũng là thú, con thú có hai chân mà có lông vũ gọi là cầm, có bốn chân mà lông mao gọi là thú.

Xà thú. Ngược lại âm thức diệc. Tự Lâm cho rằng: loài côn trùng

bò sát. Quan Tây gọi là hành. Đây lại âm hồ các. Sơn Đông gọi là hành. Đây âm là thích ngược lại âm tri hiệt. Nam và Bắc nói đều thông dụng.

Tang-già-lam. Đây nói sai. Nói cho đúng Tăng-già-la-ma.. Đây nói chúng viên.

Hạp tập. Văn cổ viết chữ hạp hiệp hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ giáp, gọi là gập, thói quen. Gọi là gập gũ, quen chỗ gọi là bành. Văn luật viết là hạp là chẳng phải thể.

Tự thiên. Ngược lại âm tự tư. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tế tự. Lại nữa, sách Lã Thị Xuân Thu nói: tế cũng gọi là tự gọi là cúng tế.

Ô thân. Ngược lại âm ô cô vu tọa hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm việc ô ướ, như nhớp. Thích danh cho rằng: ô là đục, giống như là bùn dơ.

Môn mạc. Ngược lại âm mạc côn mạc bốn hai âm. Theo Thanh loại cho rằng: môn mạc là sờ mó. Tự Lâm cho rằng: môn là an ủi vỗ về, nắm giữ. Theo chữ môn mạc gọi là cầm nắm lấy vật.

Nại bể. Văn cổ viết chữ cũng đồng, ngược lại âm bổ mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài. Người phương Bắc dùng âm này, ngược lại âm phương nhĩ. Người Giang Nam cũng dùng âm này. Văn luật viết chữ bể tục tự thường hay dùng.

Thảo kiết. Lại viết chữ giai giai hóa ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm công bát. Kiết là rơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giai cũng là rơm rạ, lúa lép, trấu. Sách Thiên tế cho rằng: cỏ khô héo. Văn luật viết chữ cáo ngược lại âm cổ mộc. Gọi là cám. Âm cáo chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 3

Ma-hê. Ngược lại âm hồ hê. Lại dịch rằng: cõi trời Đại tự tại.

Bại-nặc. Ngược lại âm bổ giới. Tiếng Phạm nói là Bà-sư. Đây dịch là ca vịnh khen ngợi. Chữ bại-nặc đó là nghi ngờ là sai. Chữ bà mượn âm, ngược lại âm bổ hạ.

Sang khổng. Văn cổ viết sang nhẫn hai chữ tượng hình. Nay viết chữ sang cũng đồng, ngược lại âm sơ lương. Sách Thuyết Văn cho rằng: sang là vết thương. Sách Lễ ký cho rằng: trên có ghẻ nhọt thì phải gọi

lại âm sở lượng. Sáng là lập ra đầu tiên, chẳng phải nghĩa nay dùng. Nay lại viết chữ này chữ gần nghĩa là vết thương, ung nhọt.

Hoàn thực. Ngược lại âm đồ hoàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoàn viên. Văn thông dụng cho rằng: nắm tay kết đoàn, đoàn thể, kết thành tổ chức gọi là đoàn. Văn luật viết chữ sủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đoán, lường. Ngược lại âm đồ quả. Người phương Bắc dùng âm này. Ngược lại âm sơ ủy. Người Giang Nam dùng âm này. Âm sủy chẳng phải chữ nghĩa này.

Thích ý. Ngược lại âm thi diệc. Sách Quảng Thất cho rằng: thích là vừa vặn, hợp. Gọi là sự vật xứng hợp với người, vừa lòng người.

Sở bảo. Văn cổ viết chữ bảo ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ đạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bảo dưỡng, cũng gọi là giữ gìn.

Hoa mạn. Tiếng Phạm nói Ma-la. Nạm là âm man. Theo Tây Vực là kết tràng hoa làm trang sức phần nhiều dùng tô-ma-na hoa xếp thành hàng, cho rằng kết râu làm tràng, không hỏi nam nữ, sang hèn đều dùng đây trang nghiêm nơi thân. Trong csc kinh đều có nói. Thiên mạn, là hoa trời. Bảo mạn, Hoa mạn v.v... đều là vậy. Văn luật viết chữ mạn là chẳng phải thể.

Càng tiêu. Ngược lại âm âm cổ hàn. Âm dưới văn cổ viết chữ tiêu. Ngược lại âm tư diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là hết sạch. Văn luật viết chữ can là chẳng phải.

Trĩ bệnh. Ngược lại âm trực lý. Gọi là bệnh hậu. Thích danh cho rằng: trĩ là bệnh nhiễm trùng, vi trùng đực khoét, ăn lở loét.

Lý hạng. Sách Chu lễ cho rằng: năm nhà làm một lân, năm lân làm một lý. Cũng gọi là hai mươi lăm nhà là một lý. Lý là chỗ dân cửi, phòng nhà vuông một lý, ở trong một lý.

Nhữ vào. Lại viết chữ tào cũng đồng, ngược lại âm tự lao. Tào là chiếc xe vua đi có đông người hầu hạ.

Lưỡng sí. Văn cổ viết chữ sí hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm quy trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: sí là cánh chim.

Trách thủ. Văn cổ viết chữ trách cũng đồng, ngược lại âm tri cách. Sách Quảng Thất cho rằng: trách là căng ra, trách là mở ra. Văn thông dụng cho rằng: trương thẳng ra gọi là trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: cửi ra, mở ra. Văn luật viết chữ kiệt ngược lại âm cự liệt. Tự Lâm cho rằng: là cường bạo. Lại cũng viết trách chưa rõ chỗ xuất phát nơi sách nào.

Điền mãn. Văn cổ viết chữ điền cũng đồng, ngược lại âm đồ kiên.

Quảng Thất T.700 cho rằng: điền là lấp bít lại.

Yểm tí. Ngược lại âm tại dịch. Văn thông dụng cho rằng: tí là ngâm vào nước gọi là tí. Sách Thuyết Văn cho rằng: tí là bọt nước.

Đê phòng. Văn cổ viết chữ điền cũng đồng, ngược lại âm đê hề. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đê là ngăn nước. Lý Tuần cho rằng: đê là ngăn phòng nước tràn vào. Sách Hán thư cho rằng: không có đê ngăn là nước tràn vào. Chương Thiệu cho rằng: chứa đất làm bờ rào ngăn chặn.

Sở nhận. Ngược lại âm nhi chứng mất đi vật mà nhận biết gọi là nhận. Văn luật viết chữ nhĩn hai chữ tượng hình này chẳng phải thể.

Cách tử. Văn cổ viết chữ tử ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở ỷ. Sở giải hai âm. Theo Thanh loại cho rằng: tử là thuộc già dếp da.

Phanh địa. Ngược lại âm bổ canh. Nay gọi là bắn dây nỏ mực, là phanh. Giang Nam gọi là phanh ngược lại âm phổ canh.

Bộ thời. Ngược lại âm bổ hồ. Sách Hoàn Nam Tử nói rằng: đi một ngày tới nơi chẳng phải quá trưa. Nay một ngày cộng thêm giờ thân vậy.

Thóa khỏn. Ngược lại âm hộ cơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ tròn.

Xúc nhiều. Ngược lại âm nô liễu. Tam Thương cho rằng: nhiều là làm trò. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều là quấy nhiễu làm trò vui cười.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 4

Yết dương. Ngược lại âm đình hề. Tam Thương cho rằng: yết là con dê đặc biệt. Quảng Thất cho rằng: con dê đực.

Điển lãnh. Lại viết chữ điển cũng đồng, ngược lại âm đình nhĩ. Quảng Thất cho rằng: điển là người chủ.

Thấu thái. Lại viết chữ thấu này cũng đồng, ngược lại âm sở giác. Gọi là bú mút. Văn thông dụng cho rằng: ngậm mà hút vào gọi là thấu.

Lão mại. Hoặc là viết chữ mại cũng đồng, ngược lại âm mạc giới. Sách Quảng Thất cho rằng: mại là quay trở về. Sách Thuyết Văn cho rằng: mại là đi xa. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngày tháng càng đi

xa hơn. Theo Truyện cho rằng: mai là đi xa.

Lão mạo. Hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo. Sách Lễ ký cho rằng: tám mươi tuổi gọi là mạo. Trịnh Huyền chú giải rằng: mạo là người mê muội hay quên. Theo Tả Truyện cho rằng: lão tướng biết mạo là kịp thời. Đỗ Dự cho rằng: mạo là loạn.

Thích sanh. Sách Thuyết Văn âm là thi xích. Gọi là mới bắt đầu gần gũi.

Bính thạch. Văn cổ viết chữ bính. Hoặc viết chữ bính cũng đồng, ngược lại âm ban mảnh. Bính nghĩa là chạy tán loạn.

Tự tích. Ngược lại âm tinh xích. Quảng Thát cho rằng: tích là gấp cong lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: gấp, xếp áo lại. Âm khuất ngược lại âm khương nguyên.

Tứ điệp. Ngược lại âm đồ giáp.. Tam Thương cho rằng: điệp là nhiều lớp. Lại viết chấp. Tự Lâm cho rằng: nhiều lớp, hai chữ tượng hình này thông dụng. Văn luật viết điệp chữ điệp giản thể. Chữ điệp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đông thống. Lại viết chữ đông hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đồ đông. Theo Thanh loại cho rằng: viết chữ đông. Sách Thuyết Văn cho rằng: đông là bệnh đau nhức. Thích danh cho rằng: đông là bệnh tê. Thường âm đắp.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 5

Khái quán. Ngược lại âm ca lai. Sách Thuyết Văn cho rằng: khái quán là rót nước tưới trên đất.

Trịch hoa. Ngược lại âm đô đình. Thiên Thương Hiệt cho rằng: dùng ngón tay nắm bắt lấy vật. Văn luật viết chữ trịch. Tự Lâm cho rằng: ném vật dư vào lửa. Lại cũng gọi là ném vật xuống đất. Có viết chữ trịch đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xương kỹ. Ngược lại âm xỉ dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: trò chơi. Theo chữ bài là người ca nhạc múa hát vui chơi, chỗ gọi là trò cười làm sự hài hòa vui vẻ. Văn luật viết chữ bài ngược lại âm thất khái. Gọi là nhỏ nước bọt. Bài chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tụ lạc. Văn cổ viết chữ tụ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài ác. Gọi là thôn ấp, tụ lạc, hương thôn nhỏ gọi là tụ. Quảng Thát

cho rằng: lạc là chỗ ở. Gọi là chỗ người ở đông đúc. Sách Thư cho rằng: dân cư không có dời chỗ ở, tụ lạc làng xóm, thôn ấp vậy.

Triệu trịch. Ngược lại âm trên tha điều. Lại âm đồ điều. Ngược lại âm dưới là trì diệc. Sách Vận tập cho rằng: triệu là vượt qua. Nay nói triệu là dùng dằng không có tiến tới.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 6

Tam y tăng-già. Đây âm sai. Nên nói rằng: tăng-già trí. Hoặc nói tăng-già hộ. Đây dịch là hợp. Lại gọi là trọng. Cũng gọi là hạt, tức là cất rọc nhiều lớp mà thành. Đây gọi là một cái y cất rọc nhiều lớp vải mà thành, hơn hai cái y, hoặc là nói cất rọc đúng như pháp, Pháp mật bộ và chư Hữu bộ luật v.v... phần nhiều đều có nói đến thì không có cất rọc. Như Thánh biên bộ luật và Đại chúng bộ luật v.v... thì nói cái y có cất rọc, như nói không có cất rọc đó là thẳng, ngược lại các góc, dùng móc nhỏ móc lên mà thôi.

Mất-đa-la-tăng. Hoặc gọi là Út-đa-la-tăng-già. Hoặc gọi là Ưu-đa-la-tăng. Hoặc gọi là Âu-đa-la-tăng cũng đều là tiếng Phạm chuyển đọc sai. Đây dịch là Thượng trước y. Trước cũng gọi là thân tương hợp, nói đây là y phục thường dùng rất cần thiết trên hết trong tất cả y. cho nên gọi là tên, hoặc nói là cái y che bên vai trái.

An-đa-hội. Hoặc nói là An-đa-vệ. Hoặc viết An-đa-bà-sa. Hoặc gọi là An-đa-la-bạt-tát. Đây dịch Trung túc y. gọi cận thân tục, hoặc gọi là y quấn thân.

Cánh mạo. Lại viết chữ mạo cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu. Tam Thương cho rằng: trình độ mua bán trao đổi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: mạo là mua bán nơi chợ búa. Quách Phác cho rằng: trao đổi vật gọi là mạo. Mao Thi Truyện cho rằng: bao gồm hàng hóa vải vóc tơ lụa.

Trung sái. Lại viết chữ sái. Sách Phương ngôn cho rằng: sái là phơi khô, làm cho vật khô. Quách Phác âm sương trí. Ở phương Bắc dùng âm này, ngược lại âm sở ải. Giang Nam dùng âm này.

Ngũ cốc. Theo sách Lễ ký nguyệt lệnh cho rằng: lúa mạch lương thực của vua ăn vào mùa xuân. Trịnh Huyền cho rằng: lúa mạch thật có phu giáp thuộc mộc, đến mùa hạ ăn đậu thóc, đậu thóc thật có chu giáp

kiên hợp. Thuộc thủy, mùa hạ ăn lúa tặc, lúa tặc tức là ngũ cốc. Thời hạn dài. Thuộc thổ, trong thổ giữa mùa thu ăn lúa ma. Thật có văn lý thuộc kim. Mùa đông thì ăn lúa thử. Thử tức là tứ thư thái thoải mái thư tán. Thuộc hỏa đều thuận theo thời tiết mà ăn, dùng để an ổn thân khí, tính hiệp, hợp tính chất.

Xương lộ. Ngược lại âm xỉ dưỡng. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: xương là cao rộng lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bình trị cao lớn có thể nhìn ra xa. Văn luật viết xương là âm xương. Sách Sở từ cho rằng: thiên môn, cũng gọi là Tây phong. Xương chẳng phải nghĩa đây dùng.

Trừ tích. Ngược lại âm trực ư. Tam Thương cho rằng: trừ là dự bị chứa vật, lấy làm dự bị đó gọi là trừ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ là chờ đợi đãi ngộ, chứa nuôi chứa nhân tài. Âm đãi ngược lại âm trực lý.

Tiền phanh. Ngược lại âm bổ hành. Gọi là búng ngón tay. Văn luật viết chữ phanh cùng với chữ bính cũng đồng, ngược lại âm ba hành. Tự Lâm cho rằng: văn không có chỗ dựa để giải thích.

Đồ tiến. Ngược lại âm đạt hồ. Âm dưới thiên điển, Tây điển hai âm. Gọi là lấy chân giẫm đạp lên đất. Tam Thương cho rằng: viết chữ triển. Lại viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm thác các.

Trảo giới. Lại viết chữ cát cũng đồng, ngược lại âm công bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: cát là cạo sạch.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 7

Nghiêm giá. Văn cổ viết chữ cách cũng đồng, ngược lại âm da hà. Tự Lâm cho rằng: đóng ngựa vào xe gọi là giá. Quảng Thát cho rằng: giá là đi, giá cũng là chỗ theo.

Trích giải. Ngược lại âm tha địch. Gọi là trừ bỏ, bởi móc, gọi là bởi móc tìm lỗi.

Ứng thiếp. Ngược lại âm tha giáp. Văn thông dụng cho rằng: đề văn viết thư gọi là thiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiếp bức màn, tấm vải lụa trắng viết thư vào. Văn luật viết chữ thiếp ngược lại âm đồ hiệp. Sách Phương ngôn cho rằng: áo nhà thiền, tức là áo cửa tăng sĩ. Chữ thiếp chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bạo kiến. Ngược lại âm bổ cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạo là phơi khô dưới ánh mặt trời. Chữ kiến văn cổ viết chữ hiện cũng đồng,

ngược lại âm công điển. Kiến là cái kéo tơ sợi.

Dĩ cân. Ngược lại âm cư ngân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là cái búa chặt cây. Sách Quốc ngữ cho rằng: cân là cái búa lớn. Thích danh cho rằng: cân là cái búa người dùng thận trọng làm cái bảng rộng có thể vót nhọn. Lại có lóng khúc thì dùng cái búa này có thể nói rõ ràng là san bằng, tiêu diệt dấu tích. Văn luật viết chữ cân ngược lại âm ngư cân. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cân là mũi đao nhọn đục khoét. Lại âm ngư dẫn.. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là pha chế thuốc âm tế ngược lại âm tử tùy. Đao kiếm, cung tên. Cân chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tế thóa. Ngược lại âm thả ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Theo chữ thóa giống như chặt, đốn phá. Văn luật viết chữ thóa là chẳng phải.

Đồ đóa. Ngược lại âm đô quả. Tự Lâm cho rằng: đất cứng chắc.

Nhu dương. Ngược lại âm nô cấu. Bì Thương cho rằng: mùi trên thân con cừ, dê, dê non, cừ non, gọi nghe nhu. Âm nghe ngược lại âm nữ giai.

Thân bát. Ngược lại âm xoa cận. Chữ thân cũng là chữ thân. Gọi là ẩn nắp bao bọc xung quanh bên trong.

Tác kiên. Ngược lại âm mạc báo. Gọi là y trùm đầu.

Tác vạt. Văn cổ viết chữ vạt ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm vô phát. Gọi là tất, vợ. Thích danh cho rằng: vợ, tất mang dưới chân.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 8

Phân mang. Ngược lại âm vong giang. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông bò có trắng đốm đen lẫn lộn. Nay phần nhiều viết chữ mang. gọi là chó lông xù. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chó lông xù, loại chó này không cắn.

Nhiễm tích. Ngược lại âm phương mạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là xé ra, xé nứt ra. Quảng Thất cho rằng: tích là phân ra.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 9

Sám hối. Đây là nói sai lược. Trong sách không có chữ sám này. Nên nói là xoa-ma. Đây nên nói là nhận. Gọi là dung thứ tội cho ta. Nửa tháng xoa-ma là tăng trưởng giới, nguồn gốc là bô-sa-tha. Đây dịch tăng trưởng giới, cũng gọi là Bát la để để xá da mị. Đây dịch ta vì người khác, gọi là hướng đến người khác nói tội. Xưa gọi là bố tát đó là nói sai lược, dịch là tịnh trụ nghĩa lật lại.

Ngũ trệ. Ngược lại âm trương vệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trệ là nối kết hợp lại, nối liền lại với nhau.

Quắc nội. Văn cổ viết chữ quắc cũng đồng, ngược lại âm hứa vực. Lại là âm vực. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đánh bằng roi gọi là quắc. Quách Phác chú giải rằng: cửa hẹp. Âm sát ngược lại âm điền kết.

Hộ phi. Tự thư cho rằng: một cánh cửa gọi là hộ. Hai cánh cửa gọi là môn. Ở trong nhà giữa gọi là hộ. Ở ngoài cổng làng khu vực thôn đầu làng gọi là môn. Văn luật viết chữ phi, chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

Tác thôi. Ngược lại âm cự nguyệt. Quảng Nhã cho rằng: quyết là cột trụ buộc trâu. Âm dục ngược lại âm dĩ chức.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 10

Trấn liệt. Ngược lại âm ly chiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: liệt là lửa cháy dữ dội. Quảng Thất cho rằng: liệt là lửa cháy rực.

Ách trung. Ngược lại âm chi di. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ làm vườn, cũng gọi là cái xẻng. Ứng Triệu chú giải sách Thượng thư rằng: ách là thọ nhận bốn góc, mang ách. Văn luật viết chữ chi chi là điều. Chữ chi chẳng phải chữ nghĩa đây dùng. Âm viên ngược lại âm đồ chiên.

Đãng trung. Ngược lại âm tha lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái thùng lớn làm bằng gỗ, giống như cái bình mà ngắn hơn, rộng như cái thùng. Văn luật viết chữ đãng ngược lại âm đương lãng. Quảng Thất cho rằng: đãng là loại rau cỏ. Chữ đãng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hộ hướng. Ngược lại âm hứa lượng. Tam Thương cho rằng: cửa sổ

nhìn ra hướng Bắc, cũng gọi là cửa sổ có song chắn.

Thập vật. Ngược lại âm thời lập. Gọi là số đông, cũng gọi là tụ tập, tạp loạn, sản vật của riêng tư. Nay người ta nói rằng: đồ vật trong nhà sanh sản ra quá nhiều. T.701 Giống như là thập vật. Vật tức là đồ dùng, giang Nam gọi là thập vật. Nơi này gọi là ngũ hành. Sách Sử ký nói rằng: đời vua Thuấn làm các thứ dụng cụ nơi đất Đảo Khư. Sách Hán thư cho rằng: tặng cho dân nghèo làm ruộng, làm nhà, các thứ vật dụng. Đây tức là nghĩa này vậy.

Đã phốc. Ngược lại âm thất mộc. Văn thông dụng cho rằng: cây liên trượng gọi phốc.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 11

Dưỡng bốc. Sách Thuyết Văn âm là tù chí. Gọi là lương thực. Sách Quảng Thất cho rằng: nuôi cho ăn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: giải thích theo văn cổ là cho ăn no. Gọi là lấy thức ăn đem cho người gọi là bốc. âm ủy ngược lại âm ư nguy. Văn luật viết chữ tự tục dùng cũng thông dụng.

Ma vấn. Văn cổ viết chữ hôn cũng đồng, ngược lại âm vong phấn. Vấn là lau chùi. Văn luật viết chữ môn mạc.

Vi kim. Văn cổ viết chữ thúy cũng đồng, ngược lại âm kỹ bì. Quảng Thất cho rằng: vi là trò chơi cờ bạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: vi là hàng hóa.

Hủy tử. Ngược lại âm tử nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tử là la mắng. Sách Chu lễ cho rằng: tử là người không biết lễ nghĩa. Trịnh Huyền cho rằng: miệng nói lời hủy nhục gọi là tử.

Ngốc hạt. Nay viết chữ hạt cũng đồng, ngược lại âm hồ hạt. Tự thư cho rằng: hạt là người mù mắt.

Bỉ vi. Ngược lại âm vu phi. Tự Lâm cho rằng: da mềm mại.

Dã can. Theo sách Tử Hư Phú nói rằng: có loại thú tên Đẳng viên xạ can. Tư Mã Bưu và Quách Phác chú giải rằng: đều gọi là xạ can, giống như con chồn, con cáo, mà lại nhỏ hơn, nó có thể leo lên cây. Âm xạ là âm dạ. Lại viết chữ dã.

Cam thiện. Ngược lại âm thượng phiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn đầy đủ. Quảng Thất cho rằng: khéo làm món ăn. Sách

Nghi lễ nói rằng: thiện là dâng thức ăn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: thiện là nói khéo. Thời nay vật ngon cũng gọi là thân thiện.

Á ngọc. Ngược lại âm ư giá. Sách Vận lược tập cho rằng: có chỗ nướng dựa vào. Nay nói nghỉ ngơi. Lại nói từ chối nướng dựa vào đều là vậy.

Khánh khái. Ngược lại âm không đánh. Ngược lại âm dưới là khổ đại. Văn thông dụng cho rằng: ho nhỏ trong họng gọi là khánh. Văn luật viết chữ khánh khái. Ngược lại âm khổ kinh. Gọi là nhạc khí. Ngược lại âm dưới là khổ ái. Chữ anh khái. chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 12

Quật địa. Ngược lại âm cự vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: quật là đào lấy xương cốt. Gọi là lấy vật mà đào đất, bới đất lên. Âm cốt ngược lại âm hồ một.

Quặc trắc. Văn cổ viết chữ trắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: trắc là cái búa chặt đẽo cây.

Thao thương. Ngược lại âm khô hiệp. Hoặc là viết chữ hiệp cũng đồng, ngược lại âm khô hiệp. Văn thông dụng cho rằng: người con gái dùng móng tay dè xuống gọi là thao. Sách Vận tập cho rằng: ấn vào. Giang Nam người ta dùng dao cắt vật báu là viết chữ này.

Can giá. Ngược lại âm cạm hạ. Lại viết chữ giá này cũng đồng, ngược lại âm chư dạ. Nay người nước Thục gọi cam giá là mía ngọt, tục ngữ thường chữ này.

Tự sao. Văn cổ viết chữ sao bốn chữ tượng hình. Nay viết chữ bức tồi thực. Sách Tứ dân nguyệt lệnh viết chữ sao văn cổ cho rằng chữ ký gợi viết chữ cũng đồng, ngược lại âm sơ giao. Sách Phương ngôn cho rằng: nấu, nướng, rang cho chín. Âm bì ngược lại âm bì bức. Gọi là hơ lửa cho khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: rang nấu cho chín.

Hắc phiêu. Ngược lại âm thất miểu. Thích danh cho rằng: màu xanh nhạt, có chút màu xanh da trời, màu xanh thăm thẳm. Đây nói lấy nghĩa màu xanh thăm thẳm này.

Xuế trĩ. Hoặc là viết chữ trĩ này, ngược lại âm trực lữ. Thuộc vải gai, vải mịn gọi là thuyên, vải trắng thưa mịn gọi trĩ, cũng là cỏ. Âm thuyên ngược lại âm thất tuyền. Vải bông mịn thưa quấn quanh. Âm

huỳnh ngược lại âm khổ hồi.

Hà dữ. Ngược lại âm dư cứ. Lại cũng là âm hội nghĩa là hiểu. Từ ngữ và, với, cho đến đều là dùng chữ chữ.

Phú thêm. Ngược lại âm âm thư giám. Sách Nhĩ Thất cho rằng: dùng vải trắng che đậy gọi là thêm. Lý Tuần cho rằng: bện cỏ mao lợp nhà gọi là thêm cũng là thư diêm. Thêm cũng gọi là che đậy.

Hội ương. Ngược lại âm công đối ngược lại âm dưới nô giáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là loạn. sách Vận tập cho rằng: bên trong tạp loạn, cũng gọi là đông nhiều tạp loạn. văn luật viết chữ náo tục dùng thông dụng.

Bách lập. Ngược lại âm lực hạp. Theo phong tục thông thường gọi người Hán là lập. Lại đó cũng là săn bắt cầm thú, cúng tế tổ tiên. Cũng gọi là cuối năm làm lễ tế thần. Trong kinh có nói Lạp Phật đó tức là tiếp nhận, còn mới mở cho nên giao tiếp. Trong các kinh luật cũng gọi là làm lễ đón nhận năm mới. Sách Nhĩ Thất chú giải rằng: suốt một năm. Lại lấy tinh kỳ vận hành, kế đến vào mùa hạ cũng gọi là tuế. Đời nhà Thương gọi là tự, tức cúng tế. Đời nhà Chu gọi là niên. Đời Đường Ngu gọi là tái đều căn cứ vào cuối năm mà gọi tên. Nay Tỳ-kheo hoặc nói là Lạp. Hoặc nói là Hạ, cả hai cách nói đều đồng. Việc này nghĩa cuối cùng vẫn theo phong tục của nước Thiên Trúc. Vì là mưa nhiều, mưa nhiều là phải an cư, từ tháng năm ngày mười sáu đến ngày mười sáu tháng tám, vì phong tục của các nước lấy tháng mười hai an cư. đây là phong tục của miền Bắc. Sách Phương ngôn cho rằng: mùa hạ căn từ ngày mười sáu tháng tư đến ngày mười lăm tháng bảy, mỗi việc chính là theo việc chế định mà gọi vậy.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 13

Tương di. Ngược lại âm dư quý. Sách Quảng Thất cho rằng: di là giữ lại, gọi là lấy vật quý tốt vui đùa cùng nhau trao đổi, cũng là vật tặng cho người.

Úy trị. Hoặc là viết chữ úy này cũng đồng, ngược lại âm ư vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên xuống dưới đều ổn thỏa an ổn. Cũng gọi là ủ tấm vải lụa cho thẳng ra.

Diên thực. Ngược lại âm thời lực. Thiên Thương Hiệt cho rằng:

thực là trồng trọt. Quảng Thất cho rằng: thực là sinh sản ra.

Liệu lý. Ngược lại âm lực điều. Văn thông dụng cho rằng: lý là loạn cũng gọi là liệu. Liệu lý có nghĩa dùng tay gỡ lấy vật điều chỉnh lại. Nay phần nhiều viết chữ liệu. Liệu là đo lường. Âm loát ngược lại âm lực hoạt.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 14

Châm chước. Văn cổ viết chữ châm cũng đồng, ngược lại âm chi nhậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: châm là rót rượu. Sách Quốc ngữ cho rằng: rót rượu cho vua. Giã Quỷ cho rằng: châm cũng giống như lấy rượu rót, cần nhắc khi làm việc. Quảng Thất cho rằng: châm chước là có lợi ích. Văn luật viết châm chưa thấy chỗ xuất hiện sách nào.

Cân phách. Văn cổ viết chữ phách hai chữ tượng hình cũng đồng. Tự Lâm cho rằng: âm thất địch. Phách là tách bỏ phá ra, mở trong ra. Đây dùng âm này. Sách Thuyết Văn âm ản là phi ách. Giang Nam thông dụng dùng hai âm này.

Thương cổ. Ngược lại âm công hổ. Sách Chu lễ cửu chức lục nói rằng: thương cổ là mua bán. Trịnh Huyền cho rằng: đi khắp nơi gọi là thương. Ở một chỗ bán gọi là cổ. Bạch Hổ Thông cho rằng: cổ đó là đem vật ra chờ người dân đến mua cầu có lợi. Nay đều viết chữ thương.

Tham thiết. Lại viết chữ thiết cũng đồng ngược lại âm tha kiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham là ham muốn không biết chán. Bản luật xưa phần nhiều viết chữ thao thiết. Ngược lại âm tha lao. Theo Tả Truyện nói: Tấn Vân Thị có đứa con bất tài tham nơi ăn uống, mạo phạm lấy tiền của tài sản trâu gom cát chứa, không biết người dân cơ cực nên gọi là thao thiết. Đỗ Dự cho rằng: tham tài sản gọi là thao. Tham ăn gọi là thiết.

Hiện xuất. Văn cổ viết chữ hiện cũng đồng, ngược lại âm hạ điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: không có uống vào mà ói ra, nhổ ra. Nay gọi là đứa trẻ bú sữa ói ra gọi là hiện.

Bát vu. Ngược lại âm bổ mặt. Gọi là bát-đa-la. Lại gọi là ba-đa-lá. Đây dịch là mỏng, lấy vật dày sửa lại khiến cho mỏng mà làm dụng cụ như là cái bát. Chữ bát cũng gọi là chữ cận nghĩa. Ngược lại âm dưới vũ câu. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát đựng cơm. Văn luật viết chữ

phương. Văn cổ viết chữ hoa ngược lại âm hồ qua. Hoa là lưỡi cày. Hoa chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhủ lôi. Văn cổ viết chữ lôi hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ á. Sách Thuyết Văn cho rằng: lôi là cho nứt nẻ ra, tách ra, chặt đứt ra.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 15

Phú dữ. Ngược lại âm phương cú. Sách Quảng Thất cho rằng: phú là công bố ra, quân bình cho đều. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phú là ban ra, ban bố biến khắp. Văn luật viết chữ truyền là sự truyền cho, trao cho. Lại viết phí, tức là phó chúc, giao cho, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bĩn niêm. Ngược lại âm nữ liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: niêm là dính vào. Tam Thương cho rằng: niêm là hợp vào.

Cam soạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ soạn hoặc là viết chữ soạn cũng đồng, ngược lại âm sĩ quyển. Gọi là thức ăn đầy đủ. Sách Luận ngữ cho rằng: có các món ăn uống đầy đủ, ông ấy dọn bày ra bữa ăn thịnh soạn. Mã Dung nói rằng: soạn là thức uống đầy đủ.

Thoát quá. Ngược lại âm thổ hoạt, thổ ngoại hai âm. Quảng Thất cho rằng: thoát là có thể cởi bỏ ra, gọi là từ không nhất định.

Tu độn. Văn cổ viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm dư chiêu. Quảng Thất cho rằng: cái dùi gọi là độn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ nấu nước. Lấy cái đỉnh kê lên có ba chân. Sơn Đông dùng nghĩa này, ngược lại âm đồ điếu. Nay Giang Nam dùng âm này, âm độn giống như nồi có ba chân, mà không có chân trên, thêm vào hai quai con rồng làm cái chân. Âm quyển ngược lại âm hồ huyền. Âm cách là âm lịch.

Mao lữ. Tự Lâm cho rằng: âm lực vu. Gọi là thảm thô trải đất. Văn thông dụng cho rằng: vải lông thưa, gọi là lữ. Lại âm sở câu gọi là thảm trải nền dệt bằng lông. Âm cú là âm cù.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 16

Biện phát. Tam Thương viết chữ biên cũng đồng, ngược lại âm bình điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: bím tóc đuôi sam.

Nhuy trấp. Ngược lại âm nhữ thù. Sách Nhĩ Thất cho rằng: lấy tay đè xuống, nắm vắt, bóp chặt. Quách Phác cho rằng: cây nhỏ mọc um tùm có gai thật, lá màu đỏ tía, có thể ăn được, vốn là cỏ dại, viết là nhuy. Nay gọi là nắm vuốt nặn hạt. Chữ viết từ bộ sanh thanh trĩ, âm hoặc là âm vực.

Hy hý. Ngược lại âm hư chi. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm trò vui đùa. Thiên Thương Hiệt cho rằng: làm trò giỡn cợt vui cười.

Nhiêu tán. Ngược lại âm tử thả. Sách Thuyết Văn cho rằng: rảy nước. Giang Nam nói rảy nước là tán. Sơn Đông nói tiển, cũng là rảy nước. Âm tiển ngược lại âm tử kiến. Văn thông dụng cho rằng: nước thấm làm ướt, gọi là tiển.

Nhược bài. Lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bộ truy. Quảng Nhã cho rằng: bài là cái bè. Nay bện tre gỗ làm bè, vận chuyển dưới nước. Người nước Tần gọi bè là phiệt. Người Giang Nam gọi là bài là bè. Âm phù là âm phu.

Điệu tý. Ngược lại âm đồ điều. Quảng Thất cho rằng: điệu là run động. Sách Thuyết Văn cho rằng: điệu lắc lư lay động.

Pháo phát. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: viết chữ bao cũng đồng, ngược lại âm bành hiếu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nốt phồng mọc lên da mặt do nóng nhiệt sinh ra. Văn thông dụng cho rằng: rất ngứa vọt ra, tuôn ra. Phát cũng gọi là quảng thư. ngược lại âm phò thân, tài dữ. Giang Nam gọi là phát tử. Sơn Đông gọi là quảng thư. Văn luật viết bao hai chữ tượng hình chưa rõ chữ xuất phát từ sách nào.

Trửu dực. Âm dực vỏ lúa mạch, cám gạo chỉ có thời Tấn Dương sách Xuân Thu nói rằng: có người họ Diễm gọi cám là dực nên viết chữ này, các sách đều không có.

Bàng dương. Tự Lâm âm là phòng hạ dư dương. Quảng Thất cho rằng: bàng dương là dời chỗ ở, di chuyển. Theo chữ bàng dương là đi đi lại lại, loanh quanh.

Lô đồng. Ngược lại âm lộc đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: đòn kê nằm trên cây cột. Tam Thương cho rằng: nằm trên cây cột vuông gọi là khai còn tên gọi khác nữa là đạp. Sơn Đông, Giang Nam gọi là khai. Từ quan ải cửa Tây gọi là đạp. Thích danh cho rằng: lô là cây cột thẳng

trong nhà, là cây đòn gánh trọng nặng của cái nhà, chống đỡ. Ngược lại âm dưới đô lông. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng là cây đòn đồng trong nhà. Sách Chu dịch cho rằng: cây đòn kê giữa trên và dưới. Nay Sơn Đông gọi đồng là ản ngược lại âm nhất cận. Thích danh cho rằng: đồng là cây cột chính giữa, chính giữa phòng nhà. Âm là âm ảm thùng. Âm phù ngược lại âm âm bổ lảng.

Bất cấm. Ngược lại âm cấp lãm chậm hai âm. Theo chữ cấm giống như là chế là ngăn lại.

- **QUYỂN 17:** Không có từ âm

**TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 18**

Khẩu cấm. Văn cổ viết chữ cấm cũng đồng, ngược lại âm cự ảm. Sách Sở từ cho rằng: khẩu cấm là không nói chuyện. Vương Dật gọi là ngậm miệng gọi là cấm.

Chất giả. Ngược lại âm chư lật. Quảng Thát cho rằng: gông cùm bó buộc tay người lại.

Thủ tát. Ngược lại âm bổ các. Tát giống như phủi. Quảng Thát cho rằng: tát là đánh. Thích danh cho rằng: bốn T.702 ngón tây mở rộng ra mà tát đánh.

Phạt trích. Ngược lại âm trên phò bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: có tội nhỏ đó gọi là phạt. Quảng Thát cho rằng: phạt là chiết phục. Chữ viết từ bộ đao đến bộ ly gọi là trách mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm đô cách. Chữ phạt Tự Lâm cho rằng: có lỗi nên quở trách. Sách Phương ngôn cho rằng: trách phạt tội lỗi. Văn thông dụng cho rằng: phạt tội đó gọi là quở trách, la mắng. Văn luật viết chữ trích này là chẳng phải.

**TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 19**

Chữ thẳng. Văn cổ viết chữ chữ cũng đồng, ngược lại âm trúc dữ.

Gọi là lấy vải lụa cột áo làm đồ trang sức.

Chi kiên. Nay viết kỳ cũng đồng, ngược lại âm chi kỹ giống như là thẻ tre.

Bần quĩ. Ngược lại âm cự quĩ. Sách Lễ ký cho rằng: tức là tài vật không có trong ruộng. Trịnh Huyền cho rằng: thiếu thốn, cạn kiệt tài sản. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đưa con bất hiếu phá hại hết tài sản trong ruộng. Theo Truyện cho rằng: tài sản đã cạn kiệt hết sạch.

Khô quát. Ngược lại âm khẩu cô. Gọi là khoét nạo trong ra trống rỗng. Sách Phương ngôn cho rằng: khô là khoét ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: khô là phanh ra, âm dịch ngược lại âm tha lịch.

Phiêu toàn. Ngược lại âm thất thiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là dùng vật nhọn như đao mà phóng ám khí. Thích danh cho rằng: đầu dưới cây mâu gọi là tôn, âm tôn là âm tôn muộn. Giang Nam gọi là tên của loại ám khí. Quan Trung gọi toàn, âm toàn ngược lại âm tử loạn. Văn luật viết chữ phiêu toán. là chẳng phải thể.

Quyết nữ. Ngược lại âm cư huyệt. Theo Tả Truyện nói: loại ngọc cách xa với kim loại, hay vàng ròng. Đỗ Dự nói: quyết là ngọc, vòng ngọc để đeo mà cái búa không thể đoan lia được, chữ nữ hoặc là viết chữ nữ ngược lại âm nữ nữ. Sách Quảng Thát cho rằng: khuôn dấu ngày xưa, giống như núp của cái ấn, gọi là ngọc tử. Nay cũng giống như vậy.

Tác chủ. Ngược lại âm tốt dĩ. Văn thông dụng cho rằng: hoặc là viết chữ chủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là vật lấy cơm, tức là cái muỗng múc cơm. Lại gọi là âm tứ.

Y quát. Ngược lại âm hoạt vật ngang làm ngăn ngại cản trở. Chưa rõ chữ xuất phát nơi sách nào. Theo văn thông dụng cho rằng: vật cứng chắc không tiêu được gọi là vạt. âm mạc bát hồ bát hai âm. Nay Sơn Đông gọi là cúc áo làm bằng xương đó là vạt giới. Cúc áo cái lên nay lấy nghĩa này, âm quan ngược lại âm ô bản.

Dược bề. Ngược lại âm tất hề. Sách Tiểu học biên rằng: bề là cây lược dày để chải. Nay gọi là cấm lông mi, chải chuốt lông mi, chải đầu đều viết chữ này.

Yểm địa. Lại viết chữ yểm ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm yểm nghiêm. Quảng Thát cho rằng: yểm là che đậy.

Tế nhiếp. Ngược lại âm chi thiên. Quảng Thát cho rằng: nhiếp là gấp áo lại. Bì Thương cho rằng: gấp áo nhiều lớp. Nay viết chữ nhiếp điệp là áo nhiều lớp vải vậy. Văn thông dụng cho rằng: thuận tiện may gọi là nhiếp. Nay gọi là cái vá, oái quần, nay cũng là lấy nghĩa này.

Âm nhiếp là triếp. âm quyển ngược lại âm khuỷu nguyên.

Khước xuyên. Lại viết chữ chuyên cũng đồng, ngược lại âm thời nhuyển. Tự Lâm cho rằng: bấp chân, bấp đùi.

Hiếp lặc. Ngược lại âm lực đặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiếp là xương sườn. Chữ viết từ bộ nhục. Văn luật viết chữ lặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây buộc đầu ngựa. Lặc chẳng phải nghĩa này dùng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 20

Khào bắt. Ngược lại âm khổ cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: khảo là xương tận cùng của xương sống. Tam Thương cho rằng: khảo là xương móng, âm tuy là âm thù.

Khuông trừu. Ngược lại âm âu phóng. Gọi là ngang khuỷu tay đưa lên, cũng chưa rõ chữ xuất phát từ sách nào. Đây nên tục ngữ Khổng Tử nói rằng: ngồi không được liếc ngó ngang dọc vậy. Văn luật hoặc là viết chữ khuông hai chữ tượng hình đều chưa rõ ràng.

Lệ thân. Ngược lại âm lực hứa. Tự Lâm cho rằng: lệ là uốn cong lại. Chữ viết từ bộ khuyển đến bộ hộ, mà gọi là thân điển lệ thân khom xuống.

Di hành. Lại viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm thư sử. Thích danh cho rằng: đi mau gọi là di. Di cũng gọi là chạy. Sách Lễ ký nói rằng: ngoài suy nghĩ cạn cột mỏng manh không dời đổi. Trịnh Huyền cho rằng: đi mà căng chân ra gọi là di, nhà trên không đến gần gọi là di. Sách Nhĩ Thất cho rằng: nhà dưới cũng gọi là di.

Khiêu thủ. Ngược lại âm tha nhiều. Theo Thanh loại cho rằng: khêu là khiêu móc. Gọi là dùng tay khêu móc lấy vật, âm quyết ngược lại âm ư huyết.

Nghiệt diệp. Ngược lại âm như thù. Sách Quảng Thất cho rằng: nghiệt là đâm chồi non. Gọi là điểm hoa mạn trên đầu.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 21

Ty thị. Âm ty giống như chữ thị. Ở phương Nam có hai màu xanh vàng kinh châu gọi là ô ty.

Hấp phạn. Văn cổ viết hấp hai chữ tượng hình, nay viết chữ hấp cũng đồng, ngược lại âm hứa cập. Quảng Thất cho rằng: hấp là uống vào.

Thỉ phạn. Lại viết chữ thỉ cũng đồng, ngược lại âm thực nhĩ. Gọi là lấy lưỡi liếm thức ăn.

Mộc kích. Lại viết chữ kỳ cũng đồng, cự nghịch. Âm dưới văn luật viết chữ thảo kích khâm-bà-la. v.v... Sách Thuyết Văn cho rằng: kích là gốc gỗ. Thích danh cho rằng: dùng vải lót trên gốc gỗ, cũng gọi là gốc gỗ. Thời xưa đồng loại. Hán thứ cho rằng: viên ảnh đi gốc bảy mươi dặm. Tam Thương cho rằng: gốc gỗ. Khổng Triện cho rằng: có đục khoét lỗ kéo dài ra chắm quần, gót sau vuông, bằng phẳng. Trong cung vua, dùng đây giống như gốc gỗ mà lại khác. Sách Chu uyển nói: giới tử đẩy ra ngoài cây thiêu đốt chết. Tấn văn công, phạt mới chế loại gốc gỗ này. Âm khiêu ngược lại âm cư ngược.

Trsi mâu. Văn cổ viết chữ thành tử hai chữ tượng hình, nay viết chữ mâu cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây tù mâu. dài hai trượng gắn nơi binh xa. Âm tù ngược lại âm tự do.

- QUYỂN 22, 23, 24 (Ba quyển trên đều không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 25

Nhược tiên. Văn cổ viết chữ tiên ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử tiên. Tự Lâm cho rằng: tiên cũng là đốn ngã, cũng là đoạn lìa.

Văn xuất. Văn cổ viết chữ văn cũng đồng, ngược lại âm vô viễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lôi kéo chiếc xe.

Kiết lữ. Sách Nhĩ Thất Truyện Hoàn Mục Tôn Đoan nói rằng: tâm bổ gọi là kiết lữ. Nay Quan Tây gọi là có lợi ích nhiều, có dư thừa. tục gọi là cầu lữ, tức là loại cỏ. Văn luật viết chữ ca lữ. Theo chữ ca

sách Thuyết Văn âm da ca hai âm. Nhĩ Nhã cho rằng: đây thì là lấy nơi nghĩa không bỏ chữ lữ, chưa rõ chỗ xuất phát sách nào. Vốn viết chữ ca lô. Âm da ngược lại âm dưới là lực hồ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: cây lau sậy. Quách Phác cho rằng: tức là cỏ tất, đây cũng còn sai lầm vậy.

Hoàng thủy. Ngược lại âm ô hoàng. Gọi là sông, ao, hồ. Văn thông dụng cho rằng: nước không chảy gọi hoàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoàng là cái ao sâu rộng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 26

Chúc trở. Sách Thuyết Văn viết chữ châu ngược lại âm chi thọ. Trở văn cổ viết chữ trở. Nay viết chữ trở cũng đồng, ngược lại âm trắc cứ. Sách Thích danh cho rằng: chúc là cầu mong cũng như lấy từ thiện, ác để chúc nhau. Trở là ngăn trở. Gọi là khiến cho người làm việc trở ngại, nói là ngăn cản.

Phiếm trường. Văn cổ viết chữ phiếm cũng đồng, ngược lại âm thất kiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiếm là nổi trên mặt nước. Quảng Thất cho rằng: phiếm là phổ khắp nơi. Văn luật viết chữ phiếm văn cổ viết chữ phong cũng đồng, ngược lại âm phò cung. Sách Nhĩ Thất cho rằng: cũng là nổi trên mặt nước.

Mô pháp. Hoặc là viết chữ mô cũng đồng, ngược lại âm mạc nô.. theo Thanh loại cho rằng: mô là bắt chước, phỏng theo phương pháp gọi là lấy đề ấn xuống khiến cho giống.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 27

Thung ma. Tự Lâm viết chữ ma cũng đồng, ngược lại âm vong tá. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: mài, xát, chà, xay nghiền. Thế Bồn cho rằng: bánh xe lăn nghiền nát. Người phương Bắc viết chữ khả Giang Nam gọi là ma.

Phảng tích. Văn cổ viết chữ tích cũng đồng, ngược lại âm tử địch. Tự Lâm cho rằng: tích tức là lụa dày mà thưa.

Xi tiêu. Văn cổ viết chữ xi cũng đồng, ngược lại âm xích đi. Quảng Thát cho rằng: xi là xem thường. Gọi là tức cười, là nhạo báng, chế diễu.

Nhũ bộ. Gọi là ngậm bú vào no đây, cũng gọi là nhai thức ăn. Sách Hoài Nam Tử nói rằng: cũng gọi là ngậm trong miệng mà bú, cũng là như vậy. Văn luật viết bộ ngược lại âm bổ hồ. Tam Thương cho rằng: bộ là bữa ăn chiều tối, ăn trong giờ thân. Chữ bộ chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 28

Yểm đảo. Ngược lại âm ư nhiễm. Sách Tự uyển cho rằng: ngũ mà bên trong không rõ. Luận Hoành nói rằng: mê muối không tỉnh ngộ. Giang đông âm là ư điệp. Chữ viết từ bộ Hán âm Hán ngược lại âm hồ hãn. Chữ đảo ngược lại âm đô đạo. Đảo là mời thỉnh, gọi là mời thỉnh quý thần. Quảng Nhã cho rằng: đảo là tạ ơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: báo cáo sự việc cầu phúc gọi là đảo.

Bất án. Ngược lại âm ư thả. Án là nhìn xem xét, quán sát việc làm, hoặc gọi là tìm kiếm.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 29

Trữ khoa. Ngược lại âm khẩu hóa. Tam Thương cho rằng: xương mông đít. Tự Lâm cho rằng: xương sườn. Âm khả ngược lại âm khẩu á. Nay lấy chữ là chữ khoa. Văn luật viết chữ khoa ngược lại âm khẩu cố. Lại viết chữ khoa. Tự Lâm cho rằng: khoa là ngôi xóm. Chữ khoa cứ hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ồi xứ. Ngược lại âm ư hồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm nhất do. Gọi là nước chảy uốn quanh.Ồi cũng ẩn che khuất, chỗ che khuất không thấy được. Lại viết chữ y ngược lại âm ô bối. Tự Lâm cho rằng: y cũng là che. Văn thông dụng cho rằng: bên trong buồn áo nã gọi là y. Nay nói y là nơi trụ xứ đều là vậy.

Tác tiếp. Văn cổ viết chữ tiếp cũng đồng, ngược lại âm tư giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giày dép, dép cỏ, vốn âm tha giáp. Nay Giang Nam nói người đàn bà giống như đôi dép rách, như đôi dép cỏ, mà rất thuộc tiện, hèn hạ.

- **QUYỂN 30** (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 31

Cố miến. Ngược lại âm vong kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhìn nghiêng liếc xéo. Sách Phương ngôn cho rằng: từ quan ả mà đến Tây Tần Tấn đều gọi là nhìn nghiêng.

Tứ khiếu. Ngược lại âm cổ điều.. Gọi là bốn cửa hẹp, tức là trải qua trong bốn cửa biên ả gọi là việc phải làm vậy.

Giác lực. Văn cổ viết chữ giác cũng đồng, ngược lại âm cổ trắc. Quảng Nhã cho rằng: giác là đo lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi là cân đong đo, dụng cụ để gạt cho bằng cái đấu, cái hộc.

Cù du. Lại viết chữ đủ hai chữ tượng hình. Sách Tự uyển viết cù sù cũng đồng, ngược lại âm cường chu song chu. Theo Thanh loại cho rằng: chiếu lông. Thích danh cho rằng: viết chữ tang sù. Văn thông dụng cho rằng: dệt lông làm mền gọi là cú. Chu là lông mịn, cũng gọi là thảm trải sàn nhà.

Đột khoang. Ngược lại âm đồ kiết. Sách Bao Phác Tử nói rằng: đột là nổi lồi lên. Văn dưới lại viết chữ khoang. Khổ côn hia âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi lợn. Bì Thương cho rằng: khoang là xương tận cùng của móng đít. Văn luật viết chữ á. Tự Lâm cho rằng: hương thơm ngào ngạt.

Thư sấm. Ngược lại âm Sở ảm. Tam Thương cho rằng: sấm là sssch bí mật. Xuất ra từ Hà Lạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: sấm là nơi có kinh nghiệm. Gọi là T.703 đoán say này có hiệu nghiệm, lời tuyên đoán.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 32

Lịnh nhi. Ngược lại âm lịch kinh. Lịnh là trong sạch mát mẻ. Lịnh nhiên, cũng là ý giải ngộ.

Hà đảm. Văn cổ viết đảm cũng đồng, ngược lại âm hồ ngã. Lại âm hà. Hà là gánh vác. Sách Thuyết Văn cho rằng: gánh vác.

Hãn thù. Ngược lại âm hạ thủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nằm ngủ tiếng thở. Sách Tự uyển, âm hồ vu. Giang Nam dùng âm này. Văn luật viết vua bĩ hấp ba chữ tượng hình là chẳng phải gọi là tiếng ngáy.

Giới xỉ. Ngược lại âm hạ giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: răng mọc khít đều. Tam Thương cho rằng: nghiền răng. Văn luật viết chữ hạt chưa rõ chữ này xuất phát từ sách nào.

Mị ngữ. Âm nghệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mị là ngủ mê nói. Theo Thanh loại cho rằng: không giác nói nhảm. Bốn luật xưa phần nhiều viết chữ khiến hai chữ tượng hình. Tam Thương âm vu quyết. Nói càng nói dối. Lại âm ngư liệt. Quảng Thát cho rằng: là nói trách tội. Âm hoang ngược lại âm âm hồ quang.

Liễm phác. Ngược lại âm cư nhiêm. Quảng Nhã cho rằng: liễm là nhặt lấy, gom lại, kết buộc, buộc tóc lại.

San nhược. Ngược lại âm sở gian. Dựa theo chữ san tức là chê bai phỉ báng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 33

Lạo thủy. Âm lão gọi là nước mưa tụ lại gọi là vu. Lạo là nước động lại.

Thấu khẩu. Ngược lại âm sở lưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu khẩu là xúc miệng. sách Lễ ký cho rằng: mới bắt đầu gà gáy, là phải lo thức dậy, tẩy rửa xúc miệng.

Đấu tẩu. Lại viết tẩu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu. Quách Phác chú giải sách Phương ngôn rằng: đấu tẩu là đưa lên phần chấn. Chữ khó gọi là đấu tẩu, mong thúc. Giang Nam gọi là đấu tẩu. Người phương Bắc gọi là mong thúc. Ngược lại âm đồ cốc. Âm dưới là tô cốc. Văn luật viết chữ đấu thúc hai chữ tượng hình. Đấu là chữ rất đồng với chữ đấu,

âm dưới là thức, âm thức là âm thú thức là bố buộc. Lại viết chữ phác, ngược lại âm chi du. gọi là cây thanh gọt ngay khi đong lường cái đấu, cái hộc, âm thức ngược lại âm sơn ách.. Thức là tên của cây, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nhữ thái. Ngược lại âm nhượng cử nhượng lự hai âm. Quảng Nhã cho rằng: nhữ là thức ăn.

Nạo linh. Ngược lại âm hỏa đao. Tự Lâm cho rằng: nạo là quấy rối. Hán thư cho rằng: uống rượu lôi kéo dẫn dắt quấy rối.

Chiêm hộ. Văn thông dụng viết xuyên mon. Xuyên, Thương Thương Hiệt viết chữ đàm, âm đàm là âm đàm gọi là nắm giữ cửa.

Dược trang. Ngược lại âm vong hậu. Sách Thuyết Văn đóng cửa sau lại gài chốt. Xem xét là chắc chắn, chỗ gọi là niêm phong lại khiến cho không mở ra được, gọi là khóa cửa lại cho chắc.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 34

Khinh táo. Lại viết chữ táo cũng đồng, ngược lại âm tử đáo. Táo gọi là quấy nhiễu, cũng gọi là động. Thích danh cho rằng: táo là làm cho khô ráo. Giống như vật làm cho khô ráo thì sẽ bay lên.

Bách nan. Văn cổ viết chữ bách cũng đồng, ngược lại âm bổ cách. Quảng Nhã cho rằng: bách là chật hẹp, đáng vẻ bức bách. Theo chữ bách cũng giống như bức tức là bức bách.

Trì kỳ. Hoặc là viết chữ ni. Trụ văn chữ trì cũng đồng, ngược lại âm trừ trí. Theo chữ ni tức là chờ đợi. Hán thư cho rằng: chờ đợi trời sáng, ngược lại âm trừ lê. Trì là tối, buổi tối.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 35

Kiên hoàng. Lại viết chữ kiên ngược hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cư ngôn. Tự thư cho rằng: kiên là cắt bỏ. Văn thông dụng cho rằng: dung dao cắt bỏ đi âm tàng, tức là nắm căn gọi là kiên.

Thô phú. Văn cổ viết chữ phú cũng đồng, ngược lại âm phương

vụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phú là thaau gom lại. Quảng Thất cho rằng: phú là thâu thuế. Nhĩ Nhã cho rằng: phú là đo lường. Quách Phác cho rằng: phú là thuế nộp thuế, đong đo, cân lường. Văn ngôn nói phú là động, thuế má, chỗ gọi là quấy động.

Điển hoán. Ngược lại âm lạc hiển lạc quán. Nói là bệnh da vàng rụng tóc.

Hầu bệnh. Ngược lại âm tương thừa hồ cấu chưa rõ như thế nào giải thích. Văn luật viết ngập. Lại viết chữ than là bệnh thủng, sưng thủng.

Lai nhân. Ngược lại âm lực đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: con người trong mắt không thẳng ngay. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhìn bên trong.

Gian nhân. Văn cổ viết chữ gian cũng đồng, ngược lại âm hồ gian. Sách Thuyết Văn đeo mắt kính. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: mắt bị bệnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: con ngựa một mắt trắng gọi là gian.

Giới tảo. Lại viết chữ tảo cũng đồng, ngược lại âm tang đáo. Quảng Nhã cho rằng: tảo là vết thương. Văn thông dụng cho rằng: nổi mụn trên gọi là tảo.

Đạm âm. Ngược lại âm đồ cam. Gọi là nước dịch trên ngực. Phương y được phần nhiều viết chữ đạm gọi là uống vào.

Bức thiết. Ngược lại âm thiên kiệt. Quảng Nhã cho rằng: thiết là gân, cũng gọi là cấp thiết, bức thiết.

Kiền trừu. Tiếng Phạm nói là tí-trá-kiền-trừu. Tí-trá, đây dịch là đánh kiện chùy, chỗ gọi là dùng cây đánh gõ hoặc là chày, hoặc là ông đồng. Đây dịch không đúng, bởi vì kia không phải là cái chuông, hay cái khánh. Kinh xưa phần nhiều viết chữ kiện trì. Đây cũng là tiếng Phạm nói sai, chuyển đọc sai, viết đúng nghi là chữ chùy âm chùy ngược lại âm trực trí. Nhưng chữ chùy chữ nhã hình như tương đồng cho nên gọi là sai.

- QUYỂN 36 (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 37

Nhược tất. Ngược lại âm thủy dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng:

nắm giữ cơ bắp đường kinh gân cốt. Tam Thương cho rằng: chỗ nảy nở cơ bắp.

Đạp đặng. Ngược lại âm tha hạp. Tam Thương cho rằng: đạp đặng là tấm thảm lông có vân có sọc. Thích danh cho rằng: lót dưới chân giường lớn, giường nhỏ, hoặc là trước khi lên giường chà chân cho sạch vậy. Bởi vậy mà tên là đạp tức là thảm lót chân.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 38

Bì cách. Văn cổ viết cách đàn hoa ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhỏ lông thú gọi là cách. Cách cũng là lột da thú, nhỏ lông gọi là cách. Cho nên viết chữ bì cách. Cách đó là cánh. Chữ viết từ bộ tam đến bộ thập đến bộ vi. Vì trong quốc ấp. Trong nước mười ba năm là thay đổi pháp chế, ý nói lấy cái khác thay đổi. Âm vi là âm vĩ.

Bất xuyên. Sách Thuyết Văn viết chữ quán. Giải thích văn cổ là văn huyền ảo. Chưa thật nghĩa, viết quán cũng đồng, ngược lại âm công hoạn. Xuyên là thói quen.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 39

Tu sạn. Văn cổ viết chữ sản cũng đồng, ngược lại âm sơ giản. Sách Thuyết Văn cho rằng: sạn bằng, diệt sạch. Nay phương này cho cây đao cán đao làm tiêu diệt tất cả.

Mạn cân. Ngược lại âm mạc can. Đây là chữ giã tá. Thể chữ viết là văn cân. hoặc là viết cân, ngược lại âm cổ ân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là gót chân.

Ban đậu. Giang Nam có loại đậu này, trái có góc cạnh mà dài, khi chín mới hái ăn được.

Hộ xu. Ngược lại âm xỉ du. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: xu gọi là cái then cửa. Quách Phác cho rằng: phen cửa gọi là xu. Quảng Nhã cho rằng: xu vốn then chốt cửa, âm ổi ngược lại âm ngũ hồi.

Bì liên. Văn cổ viết chữ liên cũng đồng, ngược lại âm lực tiền. Quảng Nhã cho rằng: liên tục, cũng gọi là liên hợp. Văn luật viết chữ liên ngược lại âm lực tiền. Tự Lâm cho rằng: liên này không giải thích.

Yếm đê. Còn nghi ngờ là lạp đê. Tự uyển cho rằng: tổ hợp, ngược lại âm đô hê. Nay Giang Nam gọi là ủng, giày cao cổ, không có đầu trên gọi là tấp giày dép trẻ con. Quảng Nhã cho rằng: đê giày dép, đê là giày da.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 40

Hoạn đế. Lại viết chữ đế cũng đồng, ngược lại âm đình kế. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: tiếng hắc hơi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cố nói, nói gượng tức là đế. Trịnh Tiễn nói rằng: các ông suy nghĩ tâm ta như vậy. Ta tức là đế. Nay Tục Đế nói rằng: đạo làm người ta đây cũng phải theo người xưa mà để lại lời nói.

Tân huyền. Ngược lại âm trực cơ. Hoặc viết chữ phân huyền âm phân ngược lại âm phủ văn. Theo bốn tiếng Phạm gọi là A na tha tân trà yết lợi a bã đế. Đây dịch là Cấp Cô Độc trưởng giả.

Môn khốn. Lại viết chữ khốn này cũng ngược lại âm khố bốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: khốn là cửa hẹp. Sách Lễ ký cho rằng: nói ở ngoài không vào bên trong được là khốn, khó. Trịnh Huyền cho rằng: khốn là cửa rất hẹp.

Đề hồ. Âm đề hồ. Văn thông dụng cho rằng: tô lạp gọi là đề hồ, tức là phó mát. Văn luật viết chữ đề âm thể. Tự thư cho rằng: đề tức là rượu tức là rượu hồ tằm, râu lấy đem về, đều không nên đề cập tới.

Cam sắc. Ngược lại âm cổ thắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: vải lụa nhuộm màu xanh mà pha màu đỏ. Thích danh cho rằng: cam là bao gồm gọi là xanh ma bao gồm màu đỏ.

Bức thiên. Ngược lại âm huyển diệc. Tam Thương cho rằng: thiên là đẩy ra. Hán thư cho rằng: chuyên chở, cùng với xe ngựa chuyên chở vận chuyển, âm nghĩa gọi là thiên không dùng. Theo chữ thiên giống như hoang sơ, xa vời cũng chỉ nghĩa là thiên.

Tự miếu. Phong tục thông thường gọi chùa là nơi thờ tự. Đình là có pháp độ đó là các chư Hầu chỗ dừng nghỉ ngơi, đều gọi là tự miếu.

Sách Nhã cho rằng: tự là trị. Tam Thương cho rằng: tự là quan xá, tức là cửa quan, quan trông coi miếu chùa. Thể chữ viết từ bộ thốn đến thanh triệt. Thích danh cho rằng: tự là nơi thờ cúng các việc sửa trị, tương tục nối truyền theo bên trong miếu tự. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: chỗ ở của quỷ thần, gọi là miếu. Bạch Hồ Thông cho rằng: miếu đó là thờ các thi vị tổ tiên, tỏ lòng tôn kính. Nay lấy nghĩa này, xuất phát từ văn cổ chữ cổ.

Trước điệp. Ngược lại âm tầm nhập. Gọi là tay áo rộng. Sách Lễ ký cho rằng: vua là mặc áo kép. Trịnh Huyền cho rằng: điệp là áo kép. Thích danh cho rằng: áo kép nhiều lớp vải mặc thêm bên ngoài. Nói là để che trên thân vua. Gọi là giáp, âm giáp ngược lại âm công hạp.

Hành đăng. Ngược lại âm đồ đăng. Sách Lễ ký chú giải rằng: khổ chiều ngang của tấm vải gọi là đăng. Giang Nam gọi là tự tức là người sai dịch làm việc trang bức vải này, cũng gọi là những đường viền. Thích danh cho rằng: bao bọc gói cái chân, đi chân không nhẹ nhàng vượt qua.

Mao ngư. Sách Thuyết Văn âm là mao. Ở Tây Nam Di có loại trâu đuôi dài. Nay Lũng Tây xuất hiện loại trâu này, âm mạo là âm mao.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 41

Xa dư. Ngược lại âm dữ dư, dư thứ hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cứ dữ cũng là tổng gọi chung các loại xe là dư, cũng gọi là xe mà không có bánh xe là dư. Văn luật viết là cử đối với cử là đưa lên.

Lạc phát. Ngược lại âm bổ việt phát giống như là phóng ra, bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: phát xạ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phát là phóng ra kia là trúng đích.

Trúng đích. Ngược lại âm tri trọng. Âm dưới là đích. Lại viết chữ đích. Sách Thuyết Văn viết chữ đích là rõ ràng hơn cũng đồng, ngược lại âm đô lịch. Gọi là chất phóng xạ, cũng gọi là đương nhiên rõ sáng, thấy rõ ràng, nay gọi là bắn ra trúng ngay hạt châu chỗ trung tâm.

Xạ cũng. Ngược lại âm khẩu nung. Chữ tuy gọi là dây buộc ngựa chắc chắn.

Trữ khí. Ngược lại âm trương lữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ

chứa tích chứa, chỗ gọi là cất chứa đó. Tả Truyện cho rằng: lấy áo mũ của ta mà cất chứa. Đỗ Dự cho rằng: trữ là nuôi chứa cất giấu đồ vật.

Kiết nhĩ. Ngược lại âm Tự Lâm âm là nhi dung. Gọi là thảm lông. Văn luật viết chữ kỳ. Tự thư cho rằng: cũng là chữ nhĩ, ngược lại âm nhi dung. Theo chữ xuế là loại lông mịn đẹp.

Tác kiến. Ngược lại âm hư yển. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: vải thưa dùng làm màn trướng lên che mui xe, gọi là màn xe.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 42

Mi mễ. Thế chữ viết mi này, ngược lại âm âm vong bì. Sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: cơm ngon có ở tỉnh Dương Sơn cũng gọi là tể là loại gạo dẻo. Cao Tư nói rằng: Quan Tây gọi là mi tức là cháo. Bối Châu gọi là tể. Văn luật có viết chữ thu. Tự Lâm âm là thuật.

Kiên nhẫn. Nay viết chữ nhẫn cũng đồng, ngược lại âm nhi chấn. Văn thông dụng T.704 cho rằng: cứng và mềm gọi là nhẫn. Quan Tử nói rằng: cân nhẫn mà xương cốt mới mạnh mẽ.

Nhược tiên. Lại viết chữ tử cũng đồng, ngược lại âm tiên thiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại bệnh nấm trên da làm khô. nay có hai loại nấm khô và ướt, rất ngứa khó chịu.

Nhược qua. Lại viết chữ qua cũng đồng, ngược lại âm cổ hòa. Sách Vận tập cho rằng: bệnh ghẻ lở. Mùa xuân phát ra đó gọi là nhạn qua.

Lỗ diêm. Ngược lại âm lực cổ. Muối do trời sanh gọi là lỗ, do người làm ra diêm. Thời xưa đó trong nhà lấy các ban đầu nấu thành muối diêm.

Diên mật. Lại viết khảm mỹ xu diên bốn chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tợ diên. Gọi là thềm muốn đến nổi nước dãi chảy ra miệng.

Thử hạm. Ngược lại âm hồ cơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạm là chuồng nuôi súc vật, cũng gọi là nhà lao chắc chắn, cũng gọi là chuồng heo.

Do diên. Hoặc là viết chữ du hành hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm do diên hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng tên là nhập nhĩ. Bắc yển gọi là nữ ni. Ngược lại âm nữ bực nữ huyền. Loài

côn trùng giống sên nhưng không có vỏ, gọi là con cuốn chiếu hoặc là con rít.

Bì đao. Ngược lại âm thất bì. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây kim lớn, người thầy thuốc dùng để phá ung nhọt.

Bào thai. Ngược lại âm bổ mao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bao là cái màng bao thai nhi để chờ sinh sản.

Ủ nhĩ. Nay viết chữ nhĩ cũng đồng, ngược lại âm nhi thị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Người quân tử là bách nhĩ. Trịnh Tiến giải thích nhĩ bọ, mào. Là nhân vật đại từ ngôi thứ hai. hoặc viết là nữ ngược lại âm nô lý. nữ là anh chị, tôi.

Cam trấp. Âm cam Sách Thuyết Văn cho rằng: cam là nước vo gạo, cũng gọi là gạo, âm phiên là âm phiên, cũng là nước vo gạo. Giang Bắc gọi nước vo gạo là cam. Giang Nam gọi là phiên.

Đãng địch. Văn cổ viết chữ đãng cũng đồng, ngược lại âm đồ lãng. Ngược lại âm dưới đồ địch. Văn thông dụng cho rằng: bồn chậu để tắm rửa tẩy sạch gọi là đãng địch.

Đắc tôn. Tự thư cho rằng: viết chữ tôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ chứa rượu, tôn là làm cong phụng. Văn luật viết chữ tôn. Âm tôn là âm tại khỗn. Gọi là mâu kích. Tôn là ống đồng. Tôn chẳng phải nghĩa đây dùng.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 43

Bì bì. Âm bì. Quảng Nhã cho rằng: bì là lột vỏ.

Tuần chước. Ngược lại âm tù luân. Đi tuần hành, cũng gọi là nước chảy xuống.

Kiên mao. Kinh Tỳ-ni mẫu nói là trung sám bát. Hoặc viết là tự, cũng là tiếng Phạm, nói có nặng có nhẹ vậy. Văn luật viết chữ lạc bề. là chẳng phải.

Thao khổng. Âm khảm. Sách Thuyết Văn nói cái giếng nhỏ. Quảng Nhã cho rằng: cái hầm.

Lăng ky. Lại viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm cự trí. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại cây ấu, sống trong nước, lá nổi trên mặt nước có hình tam giác với là răng cưa.

Sao liễm. Lại viết chữ liễm. Sách Tiểu học viết chữ liễm cũng

đồng, ngược lại âm lực cô. Sách Vận tập cho rằng: liễm là cái xương đựng đồ vật. Sách Thuyết Văn nói liễm là cái hộp kính. Nay Giang Nam cũng gọi là hộp đựng phấn đồ trang điểm của phụ nữ. Cái hộp khít kín.

Kích phát. Ngược lại âm kinh lực. Sách Trang Tử nói nước dơ bắn lên. Tư Mã Bưu gọi là nước chảy xiết mạnh bắn lên. Sách Sở từ nói nước sạch bắn lên ta mà không có chỗ chảy thông suốt. Vương Dật nói: cảm kích.

Triển trị. Lại viết triển này. Trang Tử nói triển là nghiền nát, bánh xe nghiền nát, không phải lăn cán trên đất, viết triển cũng đồng, ngược lại âm âm nữ triển. Sách Thuyết Văn cho rằng: triển là nghiền nát đá sỏi.

Oán cừ. Văn cổ viết chữ thuật cũng đồng, ngược lại âm cự ngư. Tam Thương cho rằng: oán vợ chồng oán ghét nhau gọi là cừ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cừ là thù hận. Tôn Đạm nói: cừ là kẻ thù địch, cũng là vợ chồng ghét nhau.

Vi phục. Tự Lâm nói vi là đi ẩn trốn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vi là bỏ trốn ẩn nấu. Quách Phác cho rằng: chạy trốn. Thể chữ viết từ bộ xước, cũng là vi diệu, vi cũng là theo người.

- **QUYỂN 44, 45** (Hai quyển trên đều trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 46

Y tự. Ngược lại âm ất giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn no nghỉ ngơi. Sách Lễ ký cho rằng: không dám nôn ra.

Cự hư. Cự hư hai âm. Giống như là con la giống ngựa lai mà nhỏ hơn con trâu đực, giống ngựa con.

Hiềm khích. Văn cổ viết chữ khích cũng đồng, ngược lại âm khuynh nghịch. Sách Quốc ngữ cho rằng: trên dưới không khít khao. Giã Quy cho rằng: khích là lỗ hở. Sách Thuyết Văn cho rằng: vách tường nứt có khe hở.

Thật trừ. Ngược lại âm chi dữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiểu châu gọi là trừ là bãi đất nổi lên giữa nước. Lý Tuần cho rằng: bốn mặt đều có nước, ở giữa chỉ có chỗ nổi cao bãi đất gọi là trừ tức là bãi cồn cát.

Mạm kim. Ngược lại âm mạc bàn. Xương cao lên là nghe gọi là

man. Đây nên lấy nghĩa này. Văn luật có viết chữ văn, ngược lại âm vật văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe là biết tiếng.

- **QUYỂN 47** (Trước không có âm.)

**TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 48**

Kỳ chi. Tự uyển âm là cự nhi. Chi di. Gọi là pháp. Hoặc là viết kiệt chi. Hoặc là nói tăng ca chi. Lại cũng viết tăng ca trí đều là tiếng Phạm chuyển dịch. Nói cho đúng tăng khước kỳ. Đây dịch áo lót sát nách. Hoặc nói là cù điều la. Đây dịch là cảnh tức là sáng tỏ. Giống như áo này. Tên áo hình lập, áo này Tây Vực cũng nói mặc vào trong sạch.

Cổ đạo. Ngược lại âm công hộ. Theo Thanh loại âm là qua giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là trong bụng có chất độc trùng. Gọi là loài côn trùng đi gieo độc hại. Chữ viết từ bộ trùng đến bộ mãnh chữ chỉ ý.

**TỨ PHẦN LUẬT
QUYỂN 49**

Lịnh quyển. Ngược lại âm kỳ viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: người có nạp quyển là đứng đầu, quyển là uốn cong lại.

Quỹ ngữ. Ngược lại âm câu hỷ. Lời nói biến đổi đối trá, mưu mô xảo quyệt. Quảng Nhã cho rằng: quỹ khinh khi.

Sơ hướng. Ngược lại âm san ư. Sơ là khai thông. Sách Thuyết Văn viết chữ sơ. Sơ là cửa sổ. Chữ viết từ bộ sơ đến bộ song chữ tượng hình. Cửa lớn có cánh cửa sổ đều là chỗ dẫn ra thông suốt các vật cho nên chữ viết từ bộ sơ. Sơ là lấy ý thông hành, âm sơ ngược lại âm sơn dữ.

Tróc hình. Văn cổ viết chữ bình cũng đồng, ngược lại âm hạ định. Tự Lâm cho rằng: cẳng chân. Thích danh cho rằng: hình cổ cẳng chân, thẳng mà dài giống như vật cọng thân cây.

Dủ đạo. Ngược lại âm dư nhũ. Sách Nhĩ Thất cho rằng: đủ là làm việc lao nhọc. Quách Phác cho rằng: người làm việc lao khổ quá nhiều

sinh ra uể oải mệt mỏi lười nhác. Sách Thừa Khánh nói: người lười biếng không thể tự đứng dậy, nằm như trái dưa, trái bầu trên đất, không thể tự đứng dậy. Cho nên chữ viết từ bộ qua. Lại nữa, người lười biếng ở mãi trong nhà. Cho nên chữ viết từ bộ huyết.

Cảnh tâm. Văn cổ viết chữ cảnh cũng đồng, ngược lại âm cư ảnh. Gọi là giới cẩn thận răn cấm cảnh giác. Sách Quảng Thất cho rằng: bất an. Văn luật viết cảnh là to lớn, ảnh chiếu quanh minh sáng suốt cảnh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Đạt sấn. Ngược lại âm xoa cận. Trong kinh văn hoặc là viết đại sấn. Tiếng Phạm chuyển độc sai. Theo Luận Tôn Bà-tu-mật cũng viết là chữ đàn. Đây dịch là tài thí. Pháp thí cho được phước báo gọi là đạt sấn là con đường dẫn tới ruộng phước, nên gọi là đạt sấn, kể đến lại có ý khác là cắt bỏ sự yêu tiếc để thí cho kia. Nay gọi là có lợi ích. Nay cũng gọi là đàn sơn. Lại Tây Vực ký ghi rằng: đạt sấn nã già hữu. Hoặc nói là hà khí ni nghĩa là dùng tay phải thọ nhận vật của người thí cho, khiến cho kia sanh được phước báo. Cho nên theo đây mà gọi tên. Trong kinh nói phước điền đó là trong kinh Hoa Nghiêm nói công đức đạt sấn, tức là nghĩa này. Văn luật viết từ bộ khẩu viết thành chữ sấn là chữ cận nghĩa.

Tiết độc. Văn cổ viết chữ quát tiết nghệ tiết bốn chữ tượng hình. Nay viết chữ tiết cũng đồng, ngược lại âm tiên kết gọi khinh nhờn. Sách Phương ngôn cho rằng: tiết là đùa cợt. Quách Phác cho rằng: gần gũi quen lờn, khinh khi, xem thường. Văn dưới viết độc hai chữ tượng hình. Nay viết chữ độc cũng đồng, ngược lại âm đồ mộc. Văn thông dụng cho rằng: thói quen khinh lờn, gần gũi, quen nhờn gọi là tiết độc.

Thảo. Văn cổ viết chữ tượng hình. Nay viết chữ doanh cũng đồng, ngược lại âm thiên kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: cỏ mao quỳ, lá cỏ đỏ như máu người. Cho nên chữ quì từ bộ quý. Theo chữ sánh là có thể nhuộm vải may áo.

Bất nại. Ngược lại âm nô đại. Tam Thương cho rằng: nhẫn nại. Bốn chữ từ bộ đao. Đỗ Lâm sửa lại từ bộ thốn.

Cấm mãn. Ngược lại âm ôn khí. Gọi là văn tự lượm lặt tìm kiếm chỗ chưa rõ nghĩa như thế nào. Đây nên nói người nước ngoài vặn hỏi. hoặc gọi là mang. Còn sai lầm âm hạp ngược lại âm cổ hạp. Âm mang ngược lại âm âm mạc lãng.

Tu tiêm. Ngược lại âm thất liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêm là khâu xuyên suốt nhạy bén. Văn thông dụng ghi là tiêm, là cái xăm, cái thê để xem bói.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 50

Phùng ẩ. Ngược lại âm ư cân. Ẩn tức là may áo. Văn thông dụng cho rằng: gấp lại khâu may gọi là ẩ.

Tác trợ. Văn cổ viết chữ trĩ cũng đồng, ngược lại âm trực lự. Quảng Thất cho rằng: tức đưa ăn cơm, gọi là trợ. Văn luật viết chữ trợ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tri lựợc. Sách Nhĩ Thất cho rằng: chặt đốn gọi là trợ quặc. Chợ chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm hiệp ngược lại âm cổ hiệp.

Biên bức. Ngược lại âm phương miên, phương mục. Sách Phương ngôn cho rằng: bốn con chuột linh, tùy theo địa phương mà gọi khác nhau. Thôi Báo xưa nay chú giải rằng: biên bức gọi là chuột tiên biết bay, sống năm trăm tuổi, màu trắng, não rất nặng, tập hợp các vật thì đầu rủ xuống, cho nên gọi là biên bức là chuột treo ngược mà ăn. Thức mặc là thuộc thần tiên. Âm mặc là âm mặc. Văn luật viết chữ đàn phúc là chẳng phải.

Linh tử. Ngược lại âm lực đình. Sách Thuyết Văn cho rằng: lan can chắn song cửa sổ. Nay nói ô vuông cửa sổ của chiếc xe là linh.

Hoành ký. Tự Lâm âm cự liệt. Gọi là cây đình đóng gỗ. Sách Quảng Thất cho rằng: đình đóng bìa sách. Giang Nam gọi là khái toàn. Ngược lại âm sở hoàn. Văn luật viết chữ yết. Sách Thuyết Văn âm là cự liệt. Yết là đưa lên, bỗng nhiên.

Tác quyển. Ngược lại âm khứ quyển. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: bẻ cong cây gọi là quyển. Văn luật viết chữ duyên là chẳng phải thể.

Kiều khách. Ngược lại âm ký kiêu. Tự Lâm cho rằng: kiêu là gởi nhờ. Quảng Nhã cho rằng: kiêu là cao. Văn luật viết kiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiêu là người đi ở nhờ làng khác, nước khác. Quảng Thất cho rằng: kiêu là người có tài năng. Kiêu chẳng phải nghĩa đây dùng.

Chuyết điều. Ngược lại âm đình quát. Sách Nhĩ Thất cho rằng: loài chim tu, chim trĩ. Quách Phác cho rằng: lớn giống như chim bồ câu, giống như chim trĩ, chân móng như chuột, có đuôi dài, loài chim hãm cấp bay đi đàn, theo phương Bắc, thường ở những cùng sa mạc. Loài chim cảm thịt ăn rất ngon, tục gọi là chim đột quyết. Sanh để chứng trên tổ cao, giữa cây lớn, chim giống như loài chim thuần.

Cấp thủy. Ngược lại âm kim cập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp là dẫn nước. Quảng Thất cho rằng: lấy nước.

Khiết cao. Âm kiệt cao. Văn thông dụng cho rằng: gào lấy nước gọi là khiết. Mặc Tử cho rằng: thùng gỗ chứa nước gọi là khiết cao.

Lan cách. Ngược lại âm canh gạch. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cách là cái giá móc áo. Âm thí là âm di.

Loan thủ. Ngược lại âm cửu vạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thùng chứa nước rỉ sét, cũng gọi là gào mức nước âm. Thao ngược lại âm dực thiếu.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 51

Tác bà. Ngược lại âm bổ giá. Gọi là cái cào, cái bữa, âm đúng là bổ nhả. Sách Thuyết Văn cho rằng: bà nắm T.705 giữ, cũng gọi là giữ chặt, một tay nắm lấy gọi là bà.

Đao tiếu. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: tiếu các sách viết là chữ tước cũng đồng, ngược lại âm tư tiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là vót cho mũi đao nhọn, cũng là cái bao đựng đao. Sách Phương ngôn cho rằng: bao đựng kiếm. Quan Đông gọi là tước. Quan Tây gọi là quỹ. Âm quỹ là âm bính. Giang Nam gọi là túc. Trung Quốc có nhiều tên gọi cũng nực cười.

Văn thước. Ngược lại âm mạc thiên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: văn là che đậy. Nay gọi che đậy là văn. Sách Chu lễ nói quán trọ chiếc xe không có vải che đậy. Văn luật viết chữ mạn hai chữ đều là giả tá.

Nhiên tư. Ngược lại âm nãi điển. Văn thông dụng cho rằng: dùng tay nắm bóp gọi là nhiên. Gọi là hai ngón tay thắc sợi dây. Theo Thanh loại cho rằng: nhiên là buộc vải nơ. Văn luật viết chữ niết, ngược lại âm nãi kiệt. Tự Lâm cho rằng: niết là nặn, nấn, nặn tượng.

Lịnh kiều. Ngược lại âm cự diêu. Quảng Nhã cho rằng: kiều là đưa cao lên.

Nhãn kiểm. Ngược lại âm cư nghiễm. Sách Tự lược cho rằng: kiểm là mí mắt.

Nhĩ đang. Ngược lại âm đô đường. Thích danh cho rằng: xỏ xuyên qua tai để đeo bông tai, gọi là đang.

Tông luyện. Ngược lại âm tử tinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chõ nắm giữ các đầu mối tơ đang vào nhau gọi tông.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 52

Trùy triêm. Ngược lại âm âm cự liêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lưỡi cày, cuốc. Văn thông dụng cho rằng: dụng cụ khoang dài gọi là triêm. Văn luật viết chữ kiềm cho rằng lấy kèm kẹp lại, cũng gọi là kẹp cổ. Âm tiếp ngược lại âm nữ triếp.

Thác nang. Bì Thương cho rằng: viết chữ bị. Lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bổ giới. Vương Bặc chú giải sách Lão Tử rằng: nang là cái túi chứa nước. Đông Quán Hán Thư ghi rằng: bởi vì nước chảy ra gọi là bài. Âm bài nghĩa toàn tức cái ống thổi lửa vậy.

Tuyền khí. Ngược lại âm tợ quyển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyền là hũ lô đựng rượu. Chữ khó viết hoàn gọi là dùng sợi dây xoay chuyển cái trục cắt gỗ làm dụng cụ.

Bằng các. Ngược lại âm bổ manh. Tam Thương cho rằng: cái gác làm quán trọ. Văn thông dụng cho rằng: cái gác liên kết với nhau gọi bằng.

Giáp bát. Ngược lại âm hồ giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: giáp là giữ lấy. Sách Nhĩ Thất cho rằng: giáp là kẹp giấu che giấu, cũng gọi là ôm giấu trong lòng.

Tương tranh. Sách Thuyết Văn viết chữ tranh là cây trụ cột, âm tranh ngược lại âm trử canh. Thống Tự viết tranh ngược lại âm trượng canh. Gọi là động lòng, người hay nô đùa xúc chạm sanh ra động lòng che đậy, cũng viết chữ trang ngược lại âm văn hoành. Văn luật viết chữ tranh ngược lại âm đồ đương. Tâm Thương cho rằng tranh là cây lê, cây đổ. Tranh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tác quang. Văn cổ viết chữ hoành hai chữ tượng hình cũng đồng âm quang. Theo Thanh loại cho rằng: viết chữ quang gọi là thanh ngang của chiếc xe. Nay gọi là cái giường và cây thang bước xuống thanh ngang đều gọi là quang.

Nhược tầm. Ngược lại âm cổ hàm. Gọi là sợi dây nhỏ buộc tre trúc. Văn thông dụng cho rằng: xuyên là cái y dẹt bằng tơ tằm.

Chỉ đập. Văn cổ viết chữ đập cũng đồng, ngược lại âm đồ đáp. đập là kéo ngón tay, cũng gọi là kéo ra. Nay gọi bắn sợi dây tơ, tức là cái thoi.

Giã thổ. Ngược lại âm chi dã. Tam Thương cho rằng: giã là đất màu đỏ.

Bạch thiện. Tự Lâm âm là thiện. Thiện gọi là đất, tức là đất trắng,

cũng gọi là đất sét. Theo bốn thảo Ngô Tấn gọi là đất trắng, cũng gọi là sơn trắng.

Hoàng quách. Ngược lại âm hồ quang. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây mộc lan. Văn luật viết hoàng ngược lại âm hồ manh. Gọi là nhà lớn, hướng rất sâu thăm thẳm. Hoàng chẳng phải nghĩa đây dùng. Quách khuếch trương rộng lớn, từ trong ra ngoài, quách là nhà rộng lớn.

Nhược lao. Chữ mượn âm ngược lại âm lực đạo. Lao là lụa gai làm ở bình khô.

Tự thực. Lại viết chữ đài. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: viết chữ tự cũng đồng, ngược lại âm sắc chi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: hàm răng của con trâu. Quách Phác cho rằng: con trâu ăn rồi nhả ra rồi nhai trở lại. Sách Vận tập âm là thức chi. Nay ở Thiểm Tây đều nói như vậy.

Tạp nhu. Văn cổ viết nhấn sửu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm nã cứu. Quảng Thất cho rằng: thức ăn tạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơm thô tạp.

Tác táp. Ngược lại âm tha táp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy vàng bạc có chỗ che giấu.

Mao tiêu. Tự Lâm âm là tiên giao. Loại lông mao đẹp mượt mà. Văn thông dụng cho rằng: lông mao mọc dày đặc, cũng gọi gọt cạo da lông con thú. Theo chữ nghĩa đúng nghi là viết chữ hích ngược lại âm sở cách. Lông con nhện, cũng gọi là nhện giăng dây tơ.

Phong ngư. Sách Hán thư Tây Vực truyện có viết phong ngư đặng ốc gọi là lưng có nhục ký, giống như lưng con lạc đà, lại hiến cho là phong đà. Trịnh Thị cho rằng: trên lưng có sắc phong chữ khó viết là phong ngư. Ngược lại âm phi phong. Nay có loại trâu hình dáng nhả mà trên đầu nó có nhục phong, tức là nhục thịt lồi lên.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 53

Bác yểm. âm bác tức là bác hý, gọi là đánh nhạc làm trò vui, dùng sáu chiếc đũa, sáu con cờ gọi là lục bác, dùng tay đề quanh tấm vải. Sách Toán văn cho rằng: bốc đề lên đồng tiền mà lắc, đồng tiền nhảy lên. Người ta thường gọi là xạ ý, ý gọi là xạ số, cũng gọi là bác hý dùng tay đề lên tài vật vậy.

Phách thạch. Gọi là đánh cờ, âm phách ngược lại âm phổ bạch.

Du siểm. Ngược lại âm dĩ chu. Sách Chu thư Trang Tử nói: du là nịnh hót nói theo trước mặt khen. Sau lưng chê, không chọn lựa phải quấy mà nói đó gọi là du. Văn luật viết du là văn cổ. Nay viết chữ du cũng đồng, ngược lại âm dực thụ. Du là báo cáo, giống như là khuyên can.

Cổ dương. Ngược lại âm công hộ. Tam Thương cho rằng: mùa hạ con dê đực đem đi thiến.

Tần hổ. Ngược lại âm tác tang. Tự Lâm cho rằng: con dê cái. Tam Thương cho rằng: con dê có đốm vằn.

Tuệ tinh. Văn cổ viết tập tuệ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tinh nhuế. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Tuệ tinh là lời kéo đoạt lấy. Thích danh cho rằng: tinh là hơi sáng giống như tuệ. Văn luật viết chữ giản duyệt, duyệt là chẳng phải. Âm sàm ngược lại âm xoa hàm. Âm thương ngược lại âm xoa xung.

Nguyệt thực. Ngược lại âm thân thức. Sách Chu dịch cho rằng: mặt trăng trong cái chậu nước tức là thực. Thích danh cho rằng: mặt trời, mặt trăng bị tổn khuyết gọi là thực, cho rằng hơi hơi xâm tổn, giống như có côn trùng ăn, gặm cây cỏ, lá cây cỏ.

- **QUYỂN 54** (Trước không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 55

Cấu trung. Ngược lại âm tương thừa. Cổ hầu. hai âm. Cổ chân cong gọi là cấu, chữ viết chưa rõ ràng, xuất phát từ sách nào, nên căn cứ vào tục ngữ.

Bã trì. Ngược lại âm bút bì cũng gọi là cái ao, cũng là tên của con sông tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, âm lạc ngược lại âm phổ các. Ở gần phía Đông có chim sô tư hay đậu nghỉ gần sông này. Nay Quang Trung gọi là lạc ở U Châu gọi là điện âm điện ngược lại âm đồ kiến.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 56

Suyễn thượng. Ngược lại âm thị duyên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẻ tre ra làm đồ đựng ngũ cốc. Thóc, lúa. Văn luật viết chữ đan ngược lại đục đan. Gọi là cái giỏ cái sọt nhỏ. Luận ngữ cho rằng: đan là đồ đựng cơm thức ăn. Lại viết chữ đan đó ngược lại âm điển. Sách Nhĩ Thất cho rằng: là hợp tre nhỏ, đựng đình lịch, đựng thuốc đình lịch.

Duyên cũng. Ngược lại âm chỉ nhuyễn. Văn thông dụng cho rằng: cắt đoạn ra gọi chuyên. Văn luật viết thuyên ngược lại âm đình quả nhi nhuyễn hai âm, gọi là con lúc lắc.

Cổ nhàn. Văn cổ viết cổ cũng đồng, ngược lại âm công hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là xương đùi. Thích danh cho rằng: cổ đó là cổ là sức mạnh chắc chắn.

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 57

Xí sàng. Văn cổ viết chữ xí cũng đồng, ngược lại âm vu thị. Thích danh cho rằng: xí là khai sáng bắt đầu, mở ra, nói rằng tự kéo dài ra thời gian cũng là then chốt, mở ra rộng lớn. Văn luật viết từ bộ sơn viết thành chữ xí ngược lại âm tiểu diên. Sách Thuyết Văn cho rằng: dáng mạo người leo núi cũng vốn văn cổ viết chữ nguy, nhưng hai chữ này phần nhiều người ta tự viết cảm tác, chỗ giải thích đầy đủ.

San bệnh. Ngược lại âm sở gian. Sách Thuyết Văn cho rằng: san là bệnh đau bụng.

- **QUYỂN 58, 59** (Hai quyển trên trước đều không có âm.)

TỨ PHẦN LUẬT QUYỂN 60

Đê bại. Lại viết chữ di. Sách Thuyết Văn viết chữ đê cũng đồng, ngược lại âm đồ lê. Sách Nhĩ Thất chú giải rằng: đê cũng giống như là

bại là lúa ma cỏ rác mọc dơ uest. Nay trụ gọi là đề là loại lúa dại mọc hoang không có hạt. Âm bại ngược lại âm bổ giải. Sách Thuyết Văn cho rằng: lúa khác biệt giống như cỏ, ngũ cốc vậy.

Tỉ cáo. Ngược lại âm ti dĩ. Gọi là lúa lép. Văn luật viết chữ hao ngược lại âm đương hộ. Sách Phương ngôn cho rằng: tử cũng là cáo ngược lại âm cổ mộc. Văn thông dụng cho rằng: lúa ma, không có hạt, nên gọi là cáo, âm cao ngược lại âm nô cốc chỉ nhược hai âm, ngược lại âm cũng âm mạc vô.

Biến khoái. Ngược lại âm khư hầu. Sách Luận ngữ nói rằng: lấy cây gậy mà đánh vào cổ chân người. Khổng An Quốc nói rằng: khấu là đánh. Văn luật viết chữ khấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở kinh thành dự đoán hỏi thăm người làm ruộng của đất Khấu Hương. Đây là chữ giã tá.

Nhi tứ. Ngược lại âm tô hề. Văn thông dụng cho rằng: đồ sành sứ mà ngọc thanh tán cũng gọi là tứ. Sách Phương ngôn cho rằng: tứ thanh tán, nghĩa là đồ sứ trắng men. Văn luật có viết chữ tê ngược lại âm tiên đế. Sách Thuyết Văn cho rằng: tê là chậm chạp. Tê chẳng phải nghĩa đây dùng, âm dư ngược lại âm vấn.

Dịch trí. Ngược lại âm đình lễ. Ngược lại âm dưới trình nhĩ. Quảng Thát cho rằng: dịch là xúc chạm, va chạm trí là giẫm đạp lên, nói là va chạm giẫm đạp lên người.

Điền quyết. Lại viết chữ điền hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đô điền. Quảng Thát cho rằng: điền là người bị hình phạt treo ngược, điền cũng là che đậy, đảo ngược. Quyết hoặc là viết quyết cũng đồng, ngược lại âm cư nguyệt cự nguyệt hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyết ngã giữa vấp té nằm ngửa.

